

Số: /QĐ-UBND

Bắc Kạn, ngày tháng năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025**

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội khóa XV về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định 27/2022/NĐ-CP); Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia (Nghị định số 38/2023/NĐ-CP); Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ về chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết trong sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp (Nghị định số 98/2018/NĐ-CP);

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025 (Quyết định số 1719/QĐ-TTg); số 90/QĐ-TTg ngày 18/01/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 90/QĐ-TTg); số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 (Quyết định số 263/QĐ-TTg);

Căn cứ các Thông tư của Bộ Tài chính: số 55/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 55/2023/TT-BTC); số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC (Thông tư số 75/2024/TT-BTC);

Căn cứ các Thông tư của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: Số 04/2022/TT-BNNPTNT ngày 11/7/2022 hướng dẫn thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT); số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT); số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25/7/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ các Thông tư của Ủy ban Dân tộc: Số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Thông tư số 02/2022/TT-UBND); số 02/2023/TT-UBND ngày 21/8/2023 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-UBND ngày 30/6/2022 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc hướng dẫn thực hiện một số dự án thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Thông tư số 02/2023/TT-UBND);

Căn cứ Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH ngày 18/4/2024 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn một số nội dung thực hiện đa dạng hóa sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo và hỗ trợ người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 (Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH);

Căn cứ Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 (Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND); Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND ngày 23/10/2023 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định một số cơ chế triển khai thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 19/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh (Nghị quyết số 12/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Nghị quyết 09/2024/NQ-HĐND ngày 18/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định nội dung hỗ trợ, mức hỗ trợ, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch

*liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất cộng đồng thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn;*

*Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Văn bản số 2728/STC-TCHCSN ngày 04/12/2024.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định, Công văn của UBND tỉnh: Số 1528/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 về việc ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025; số 7444/UBND-NNNTNMT ngày 06/11/2023 về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung tại Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn; số 668/QĐ-UBND ngày 19/4/2024 về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và PTNT, Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bắc Kạn; Giám đốc các Ngân hàng thương mại chi nhánh tỉnh Bắc Kạn; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### **Nơi nhận:**

- Như Điều 3 (t/h);
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP;
- Các phòng: NNNTNMT, TH, VXNV;
- Lưu: VT, Huynh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nông Quang Nhất**

## HƯỚNG DẪN

### **Thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn)*

## CHƯƠNG I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

### **I. Phạm vi hướng dẫn, quy định tên gọi tắt các chương trình mục tiêu quốc gia**

#### ***1. Phạm vi hướng dẫn: Quy định này hướng dẫn các nội dung sau***

- a) Nội dung số 1, 2 thuộc Tiểu dự án 2 của Dự án 3, Quyết định số 1719/QĐ-TTg.
- b) Dự án 2, Tiểu dự án 1 của Dự án 3, Quyết định số 90/QĐ-TTg.
- c) Nội dung về hỗ trợ phát triển sản xuất tại nội dung 02, nội dung 05 thuộc nội dung thành phần số 03, Quyết định số 263/QĐ-TTg.

#### ***2. Quy định tên gọi tắt các chương trình mục tiêu quốc gia***

- a) Chương trình mục tiêu quốc gia Phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: Từ năm 2021 đến năm 2025: Chương trình 1.
- b) Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025: Chương trình 2.
- c) Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025: Chương trình 3.

### **II. Cơ quan, đơn vị chủ trì, phối hợp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất**

Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn là cơ quan chủ trì cấp tỉnh thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh là cơ quan phối hợp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

UBND cấp huyện có trách nhiệm giao đơn vị chủ trì, phối hợp cấp huyện thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất.

Các cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện theo quy định.

### **III. Nguyên tắc quản lý hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc chương trình mục tiêu quốc gia**

#### **1. Nguyên tắc chung**

a) Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện; thời gian hỗ trợ theo chu kỳ sản xuất hoặc theo thời hạn đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia. Ưu tiên sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình phát triển sản xuất thực hiện trên địa bàn các huyện nghèo, xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

b) Tăng cường huy động vốn tín dụng, vốn từ các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, các tổ chức và cá nhân tham gia thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất. Thực hiện cơ chế lồng ghép nguồn vốn để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại Chương 2, Quy định kèm theo Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND, Công văn số 5253/UBND-TH ngày 11/8/2022 của UBND tỉnh và khoản 6, Điều 1 Nghị định số 38/2023/NĐ-CP.

c) Chi phí lựa chọn dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất; không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển xuất.

d) Ưu tiên sử dụng giống cây trồng, vật nuôi và những hàng hóa, dịch vụ khác do người dân trực tiếp sản xuất tại địa bàn triển khai dự án. Đơn giá thu mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tính theo giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm, được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

đ) Các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (gọi chung là dự án) phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia dự án là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

e) Thanh toán, quyết toán nguồn vốn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất căn cứ kết quả nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành theo tiến độ từng năm hoặc giai đoạn.

f) Trong trường hợp một hộ tham gia từ hai dự án trở lên phải xem xét đảm bảo nguyên tắc không trùng lặp giữa các hoạt động, nội dung đầu tư của các dự án, tiểu dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia.

## **2. Nguyên tắc riêng từng chương trình**

### **2.1. Chương trình 1:**

a) Thực hiện các nguyên tắc quy định tại Điều 3, Điều 17 Thông tư số 02/2022/TT-UBND và khoản 7 Điều 1 Thông tư số 02/2023/TT-UBND.

b) Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thực hiện tại địa bàn các xã, thôn thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; trong đó ưu tiên các xã, thôn đặc biệt khó khăn (ĐBK). Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thực hiện tại địa bàn các xã, thôn ĐBK thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

c) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo. Trong đó ưu tiên nguồn lực hỗ trợ thực hiện dự án có trên 70% người dân tham gia dự án là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

d) Các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo. Ưu tiên hộ nghèo là người dân tộc thiểu số; hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động. Ưu tiên dự án do nhóm hộ, tổ hợp tác có trên 50% số thành viên là phụ nữ đề xuất.

đ) Các doanh nghiệp (sản xuất, chế biến, kinh doanh), Hợp tác xã (HTX) tham gia vào dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị phải có từ 70% tổng số lao động trở lên là người dân tộc thiểu số.

e) Hỗ trợ phát triển sản xuất có chu kỳ đủ dài để đảm bảo tính ổn định, hiệu quả, duy trì bền vững và khả năng nhân rộng của mô hình, dự án nhưng thời gian hỗ trợ không quá 05 năm, không vượt quá thời hạn thực hiện giai đoạn I của Chương trình đến hết năm 2025.

### **2.2. Chương trình 2:**

a) Thực hiện các nguyên tắc quy định tại Điều 4 Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTBXH; Điều 3 Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT.

b) Các dự án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, người khuyết tật (không có sinh kế ổn định) trên địa bàn tỉnh, người dân sinh sống trên địa bàn huyện nghèo; trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo.

## **IV. Xác định giá hoặc thẩm định giá Nhà nước trong việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ**

1. Chủ dự án (chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư) được giao trực tiếp mua sắm hàng hóa, dịch vụ: Chủ dự án mua sắm hàng hóa, dịch vụ đảm bảo phù hợp

với giá cả thị trường, không cao hơn giá của cơ quan được giao vốn thông báo. Giá do cơ quan được giao vốn thông báo được xác định trên cơ sở giá của hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán trên địa bàn thực hiện dự án, trường hợp tại địa bàn thực hiện dự án chưa có hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán thì cơ quan được giao vốn tham chiếu giá bán hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên địa bàn tỉnh để thông báo (ít nhất khảo sát tại 03 địa điểm mua, bán hàng); hoặc cơ quan được giao vốn xác định giá theo kết quả thẩm định giá của tổ chức có chức năng cung cấp dịch vụ thẩm định giá. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định phải thẩm định giá của Nhà nước làm căn cứ thực hiện thì cơ quan được giao vốn phải thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 59, Điều 60 và khoản 2 Điều 74 Luật Giá năm 2023 để thực hiện thẩm định giá của Nhà nước theo quy định.

2. Cơ quan được giao vốn trực tiếp mua sắm hàng hóa, dịch vụ: Cơ quan được giao vốn xác định giá gói thầu để phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu căn cứ Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ và quy định tại pháp luật có liên quan để thực hiện theo đúng quy định, trong đó đơn vị thực hiện mua sắm có thể thuê doanh nghiệp thẩm định giá thực hiện thẩm định trước khi phê duyệt hoặc trình cấp có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu. Trường hợp pháp luật có liên quan quy định phải thẩm định giá của Nhà nước làm căn cứ thực hiện thì cơ quan được giao vốn phải thành lập Hội đồng thẩm định giá theo quy định tại Điều 59, Điều 60 và khoản 2 Điều 74 Luật Giá năm 2023 để thực hiện thẩm định giá của Nhà nước theo quy định.

3. Thẩm định giá Nhà nước hoặc xác định giá đối với hàng hóa, dịch vụ thực hiện dự án phát triển sản xuất được thực hiện trước hoặc sau thời điểm dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Cơ quan được giao vốn thông báo giá sau thời điểm dự án hỗ trợ phát triển sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Trường hợp giá trị mua sắm hàng hóa, dịch vụ thực tế (trên cơ sở giá do cơ quan được giao vốn thông báo) thay đổi so với giá trị tại thời điểm phê duyệt dự án, làm thay đổi tổng giá trị toàn bộ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thì đơn vị được giao vốn phải rà soát, xác định lại tỷ lệ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ trong tổng giá trị dự án đảm bảo đúng theo mức hỗ trợ quy định, trong đó:

a) Trường hợp sau khi thông báo giá, phân ngân sách nhà nước hỗ trợ được phê duyệt tại dự án không đảm bảo mua sắm số lượng hàng hóa đã được phê duyệt (quy mô giảm), cơ quan được giao vốn báo cáo cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh, huyện; cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh, huyện báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, thẩm định (có thể giữ nguyên quy mô ban đầu và bổ sung thêm kinh phí nhưng không được vượt tỷ lệ phân ngân sách nhà nước hỗ trợ theo quy định hoặc giảm quy mô và giữ nguyên mức hỗ trợ kinh phí ban đầu) và trình phê duyệt lại dự án theo quy định.

b) Trường hợp sau khi thông báo giá, phân ngân sách nhà nước hỗ trợ được phê duyệt tại dự án có thể mua sắm số lượng hàng hóa lớn hơn mức đã được phê duyệt (quy mô tăng):

- Nếu cơ quan được giao vốn muốn tăng số lượng hàng hóa tương ứng với mức ngân sách nhà nước hỗ trợ đã phê duyệt thì phải báo cáo cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh, huyện; cơ quan chủ trì dự án cấp tỉnh, huyện báo cáo Hội đồng thẩm định xem xét, trường hợp Hội đồng thẩm định nhất trí cho tăng quy mô dự án thì tiến hành thẩm định, trình phê duyệt lại dự án theo quy định, trường hợp không nhất trí thì thông báo nêu rõ lý do cho cơ quan được giao vốn biết; theo đó cơ quan được giao vốn thực hiện theo quy mô đã được phê duyệt (không phê duyệt lại dự án), phần kinh phí giảm sẽ trả lại ngân sách nhà nước theo quy định.

- Nếu cơ quan được giao vốn không có nhu cầu tăng quy mô dự án thì triển khai thực hiện theo đúng quy mô đã được phê duyệt (không phê duyệt lại dự án), phần kinh phí giảm sẽ trả lại ngân sách nhà nước theo quy định.

## **V. Về mua sắm hàng hóa thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất**

1. Xác định đơn vị trực tiếp thực hiện mua sắm hàng hóa: Việc mua sắm hàng hóa có thể do cơ quan được giao vốn mua sắm trực tiếp và bàn giao hàng hóa cho đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư để cấp phát cho người dân tham gia dự án hoặc đơn vị chủ trì liên kết, cộng đồng dân cư trực tiếp mua sắm hàng hóa phục vụ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Việc xác định đơn vị mua sắm hàng hóa phải được quy định rõ trong dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Đồng thời, trong Hợp đồng ký kết giữa cơ quan được giao vốn với đơn vị chủ trì liên kết, cộng đồng dân cư cũng được thể hiện rõ nội dung này.

Hội đồng thẩm định, Tổ thẩm định dự án có trách nhiệm thẩm định phương án mua sắm và đề xuất đơn vị trực tiếp mua sắm hàng hóa thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án.

### **2. Mua sắm hàng hóa thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất**

#### **2.1 Trường hợp cơ quan được giao vốn trực tiếp mua sắm hàng hóa:**

a) Mua sắm hàng hóa tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh: Thực hiện theo quy định của Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Nghị định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu.

b) Mua sắm hàng hóa do người dân tự sản xuất hoặc của đơn vị chủ trì liên kết tự sản xuất (không áp dụng đối với cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm):

- Tổ thẩm định: Cơ quan được giao vốn các cấp thành lập Tổ thẩm định để xem xét, đánh giá chất lượng cây, con giống, vật tư, nguyên liệu dự kiến mua trong dân hoặc mua từ đơn vị chủ trì liên kết.

Thành phần Tổ thẩm định gồm Tổ trưởng là lãnh đạo thuộc cơ quan được giao vốn, các thành viên là cơ quan ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan Tài chính, UBND cấp xã (nơi có hàng hóa mua trong dân) và các cơ quan khác có liên quan (nếu cần thiết). Riêng đối với dự án do cấp xã phê duyệt và được giao vốn thực hiện thì thành phần thẩm định gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo UBND cấp xã, các thành viên là cán bộ nông lâm nghiệp xã và các thành viên khác có liên quan do UBND xã quyết định phù hợp với từng dự án cụ thể; trường



hợp cần thiết có thể mời thêm thành viên có chuyên môn phù hợp tại các phòng chuyên môn cấp huyện tham gia.

- Người bán (đại diện hộ dân hoặc đơn vị chủ trì liên kết) phải cung cấp các thông tin liên quan đến cây, con giống, vật tư, nguyên liệu dự kiến bán cho dự án theo **Biểu mẫu số 11, 12, 13 kèm theo Hướng dẫn này**, để Tổ thẩm định có cơ sở xem xét, đánh giá, kết luận về việc giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, nguyên liệu đó có đủ điều kiện để đưa vào sản xuất hay không? Trường hợp hàng hóa đạt yêu cầu, Tổ thẩm định ban hành báo cáo kết luận, đánh giá chất lượng hàng hóa của hộ dân hoặc của đơn vị chủ trì liên kết tự sản xuất.

Từ đó, cơ quan được giao vốn thực hiện mua với các hộ dân hoặc đơn vị chủ trì liên kết trên cơ sở Giấy biên nhận mua bán giữa các bên, đơn giá thu mua hàng hóa phù hợp với giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm và không được cao hơn giá của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá thông báo; đồng thời được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán.

\* *Lưu ý*: Trường hợp hàng hóa do người dân hoặc đơn vị chủ trì liên kết tự sản xuất ra mà đã có hồ sơ công bố giống theo quy định thì không phải thực hiện bước thẩm định hàng hóa, các nội dung khác thực hiện tương tự như trên.

2.2. Trường hợp đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư trực tiếp mua sắm hàng hóa, dịch vụ:

a) Mua sắm hàng hóa tại các cơ sở sản xuất, kinh doanh: Đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư thực hiện mua sắm hàng hóa để thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất (gồm cây giống, con giống, vật tư, thiết bị phục vụ sản xuất, phân bón, hóa chất,...) đảm bảo theo đúng các nội dung tại Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền và Hợp đồng ký kết với cơ quan được giao vốn thực hiện dự án. Giá mua sắm hàng hóa thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất không được cao hơn giá do cơ quan thẩm định giá thẩm định.

Cơ quan được giao vốn thực hiện dự án thanh toán cho bên cung cấp hàng hóa, dịch vụ theo hợp đồng mua bán có xác nhận ba bên, bao gồm chủ dự án (đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư), bên cung cấp dịch vụ, hàng hóa và cơ quan được giao vốn. Chủ dự án có trách nhiệm cung cấp đầy đủ chứng từ chứng minh hoạt động mua sắm, bao gồm hóa đơn bán hàng và chứng từ khác (nếu có) cho cơ quan được giao vốn chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày tiếp nhận hàng hóa, dịch vụ từ bên cung cấp.

b) Mua sắm hàng hóa do người dân tự sản xuất hoặc của đơn vị chủ trì liên kết trực tiếp sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh của mình (không áp dụng đối với cây ăn quả, cây công nghiệp lâu năm):

- Tổ thẩm định: Tương tự như tiết b, điểm 2.1, khoản 2 mục V, Chương I Hướng dẫn này.

- Người bán (đại diện hộ dân hoặc đơn vị chủ trì liên kết) phải cung cấp thông tin liên quan đến cây, con giống, vật tư, nguyên liệu dự kiến bán cho dự án theo **Biểu mẫu số 11, 12, 13 kèm theo Hướng dẫn này**, để Tổ thẩm định có cơ sở

xem xét, đánh giá, kết luận về việc giống cây trồng, vật nuôi, vật tư, nguyên liệu đó có đủ điều kiện để đưa vào sản xuất hay không? Trường hợp hàng hóa đạt yêu cầu, Tổ thẩm định ban hành báo cáo kết luận, đánh giá chất lượng hàng hóa của hộ dân hoặc của đơn vị chủ trì liên kết tự sản xuất. Từ đó:

+ Đối với trường hợp mua hàng hóa do người dân sản xuất ra: Đơn vị chủ trì liên kết, cộng đồng dân cư thực hiện mua với các hộ dân trên cơ sở Giấy biên nhận mua bán giữa các bên, đơn giá thu mua hàng hóa phù hợp với giá thị trường trên địa bàn tại cùng thời điểm và không được cao hơn giá của cơ quan được giao nhiệm vụ thẩm định giá thông báo; đồng thời được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận tại giấy biên nhận mua bán với người dân.

+ Đối với trường hợp mua hàng hóa, dịch vụ do đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư trực tiếp sản xuất, cung ứng hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành nghề kinh doanh của mình:

Đơn vị chủ trì liên kết/cộng đồng dân cư xác định giá hàng hóa, dịch vụ đưa vào sản xuất theo mức hỗ trợ do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định. Trường hợp chưa có quy định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về định mức hỗ trợ, cơ quan được giao vốn thanh toán theo giá của hàng hóa, dịch vụ được phê duyệt tại quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án quyết định giá hàng hóa, dịch vụ trên cơ sở giá của hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán tại địa bàn thực hiện dự án do cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp đề xuất; trường hợp tại địa bàn thực hiện dự án chưa có hàng hóa, dịch vụ cùng loại được mua bán thì cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp tham chiếu giá bán hàng hóa, dịch vụ cùng loại trên địa bàn tỉnh để đề xuất; đối với dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt thì cơ quan chuyên môn về tài chính thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất.

\* *Lưu ý:* Trường hợp hàng hóa do người dân hoặc đơn vị chủ trì liên kết tự sản xuất ra mà đã có hồ sơ công bố giống theo quy định thì không phải thực hiện bước thẩm định hàng hóa, các nội dung khác thực hiện tương tự như trên.

## **VI. Quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất**

1. Tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất không áp dụng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công trong trường hợp sau đây:

- Tài sản có giá trị dưới 500 triệu đồng được hỗ trợ toàn bộ vốn hoặc một phần vốn từ ngân sách nhà nước;
- Tài sản hỗ trợ cho cộng đồng người dân tham gia thực hiện dự án;
- Tài sản có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên được hỗ trợ vốn từ ngân sách nhà nước không quá 20% giá trị tài sản.

2. Cơ quan quản lý dự án có trách nhiệm theo dõi, giám sát việc quản lý, sử dụng tài sản trong quá trình thực hiện dự án. Các tài sản hình thành từ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất ngoài các nội dung hướng dẫn tại khoản 1 mục này thực hiện quản lý theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

## **VII. Nội dung, mức chi xây dựng và quản lý dự án**

Chi xây dựng và quản lý dự án, mô hình, kế hoạch, phương án sản xuất thực hiện như sau:

1. Chi phí lựa chọn dự án, mô hình, kế hoạch, phương án (bao gồm chi phí khảo sát, đánh giá; thành lập hội đồng lựa chọn dự án, mô hình; lựa chọn đơn vị đặt hàng, giao nhiệm vụ; tổ chức đấu thầu lựa chọn đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ; thẩm định giá trong phương án mua sắm vật tư, hàng hóa, dịch vụ) được tính trong kinh phí thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án hoặc kinh phí thường xuyên của cơ quan, đơn vị trực tiếp thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án không vượt quá 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện dự án, mô hình, kế hoạch, phương án. Nội dung và mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành. Quyết định này hướng dẫn một số nội dung, mức chi cụ thể như sau:

- Chi lập và xây dựng, họp hội đồng thẩm định lựa chọn dự án, mô hình, kế hoạch, phương án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 04/2024/NQ-HĐND ngày 28/3/2024 của HĐND tỉnh Bắc Kạn;

- Chi khảo sát, xác định, lựa chọn địa bàn thực hiện, đối tượng tham gia dự án, mô hình, kế hoạch, phương án: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016.

2. Chi triển khai, đánh giá, tổng kết rút kinh nghiệm: Nội dung và mức chi thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017.

3. Chi khác về quản lý dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (nếu có): Mức chi thực hiện theo chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và theo thực tế phát sinh được cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình quyết định.

## CHƯƠNG II

### QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT

#### **I. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (lĩnh vực nông nghiệp)**

##### **1. Phân cấp quản lý**

###### 1.1. Chương trình 1:

a) UBND cấp huyện giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên xã, giao cho UBND cấp xã làm chủ đầu tư đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi 01 xã.

b) UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên huyện hoặc trong phạm vi một huyện.

c) UBND cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội huyện phê duyệt danh sách chi tiết đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ và đăng ký vay vốn tín dụng chính sách phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị do UBND cấp huyện làm chủ đầu tư (nếu có); Thủ trưởng cơ quan chủ đầu tư cấp tỉnh (theo ủy quyền của UBND tỉnh) phê duyệt danh sách chi tiết đối tượng thụ hưởng chính sách hỗ trợ và đăng ký vay vốn tín dụng chính sách phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị các dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị làm chủ đầu tư (nếu có).

###### 1.2. Chương trình 2, 3:

a) UBND cấp huyện giao cho cơ quan, đơn vị cấp huyện làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch liên kết có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên xã, giao cho UBND cấp xã làm chủ đầu tư đối với các dự án, kế hoạch liên kết trong phạm vi 01 xã.

b) UBND cấp tỉnh giao cho cơ quan, đơn vị cấp tỉnh làm chủ đầu tư các dự án, kế hoạch có hoạt động sản xuất trong phạm vi liên huyện hoặc trong phạm vi một huyện.

##### **2. Điều kiện hỗ trợ**

2.1. Dự án, kế hoạch liên kết phải xác định được kết quả về chỉ số tạo việc làm, mức tăng thu nhập, đóng góp phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương theo kế hoạch năm và thời điểm kết thúc dự án.

2.2. Đơn vị chủ trì liên kết và các đối tượng liên kết phải có hợp đồng hoặc biên bản hợp tác về đào tạo, hỗ trợ kỹ thuật, cung ứng vật tư, dịch vụ đầu vào, tổ chức sản xuất, thu hoạch, sơ chế, chế biến, thu mua, tiêu thụ sản phẩm.

2.3. Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại tiết c điểm 2.1, tiết b điểm 2.2, khoản 2, mục III, Chương I Hướng dẫn này.

### **3. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết**

3.1. Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP, gồm các hồ sơ sau:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ dự án, kế hoạch liên kết (*Mẫu số 01 kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*).

b) Dự án liên kết (*Mẫu số 02 kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*) hoặc kế hoạch liên kết (*Mẫu số 03 kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*).

c) Bản thỏa thuận về việc cử đơn vị làm chủ trì liên kết (*Mẫu số 04 kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*) đối với trường hợp các doanh nghiệp, hợp tác xã ký hợp đồng liên kết với nhau.

d) Bản sao chụp các chứng nhận hoặc bản cam kết về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; hoặc bản cam kết bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường (*Mẫu số 05 kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP*).

đ) Bản sao chụp hợp đồng liên kết.

e) Tài liệu minh chứng năng lực của đơn vị chủ trì liên kết: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương); quyết định thành lập đơn vị (hoặc tương đương); giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã; báo cáo tài chính năm gần nhất; bản sao hợp đồng liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp tương tự (nếu có).

3.2. Lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết:

a) Cơ quan được giao vốn thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở của cơ quan, đơn vị.

b) Lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị:

- Đơn vị chủ trì liên kết phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi dự kiến triển khai dự án, kế hoạch để khảo sát, xây dựng dự án, kế hoạch liên kết.

- Trên cơ sở kết quả khảo sát và ý kiến thống nhất với Ủy ban nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp huyện, đơn vị chủ trì liên kết lập hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị theo mẫu hồ sơ quy định tại điểm 3.1, khoản 3 ở trên. Nội dung hồ sơ đề xuất thực hiện dự án phải xác định rõ: Năng lực của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên quan; phương án, kế hoạch sản xuất, kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ; dự toán chi tiết theo năm kế hoạch; phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn

ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; các chỉ số đầu ra chính gắn với các mốc thời gian thực hiện dự án; bản sao công chứng hợp đồng, hoặc biên bản ký kết giữa đơn vị chủ trì liên kết và đối tượng liên kết; dự kiến các rủi ro, giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nếu có); nội dung khác (nếu có).

c) Thẩm định dự án, kế hoạch liên kết

Đơn vị chủ trì liên kết gửi hồ sơ đề xuất thực hiện dự án, kế hoạch đề nghị hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đến đơn vị chủ trì dự án cấp huyện đối với dự án thuộc phạm vi cấp huyện, đến đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh đối với các dự án do cấp tỉnh làm chủ đầu tư. Ngoài tổng hợp hồ sơ dự án do các chủ trì liên kết gửi, đơn vị chủ trì dự án cấp tỉnh, cấp huyện tổng hợp theo **Mẫu số 01** kèm theo Hướng dẫn này gửi Hội đồng thẩm định cấp mình.

Đơn vị chủ trì dự án cấp huyện/cấp tỉnh đề nghị UBND cùng cấp quyết định thành lập Hội đồng thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần Hội đồng bao gồm: Chủ tịch Hội đồng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc lãnh đạo sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện theo ủy quyền; các thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện (trường hợp cấp tỉnh thành lập Hội đồng) nơi có dự án, kế hoạch liên kết, đại diện cơ quan quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính, ngành, lĩnh vực chuyên môn và chuyên gia độc lập hoặc các thành phần khác (nếu cần thiết). Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ, Hội đồng tổ chức thẩm định dự án, kế hoạch liên kết.

Nội dung thẩm định phải làm rõ việc đáp ứng về hồ sơ, thủ tục và các điều kiện quy định tại khoản 2 mục I, chương II ở trên; sự cần thiết thực hiện dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); các rủi ro, phương án tài chính xử lý rủi ro (nếu có). Trường hợp dự án, kế hoạch liên kết không đủ điều kiện theo quy định, Hội đồng thẩm định dự án thống nhất kết luận nêu rõ lý do trong biên bản thẩm định.

d) Phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết

Căn cứ ý kiến thẩm định, Chủ tịch UBND tỉnh (hoặc người được ủy quyền) phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết do đơn vị cấp tỉnh thực hiện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định hoặc ủy quyền cho Thủ trưởng phòng, ban trực thuộc quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi quản lý cấp huyện.

Nội dung quyết định dự án, kế hoạch liên kết phải bao gồm: Tên dự án, kế hoạch; tên đơn vị chủ trì liên kết, các bên liên kết; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; tổng chi phí, cơ cấu từng nguồn vốn (ngân sách nhà nước, vốn của đơn vị chủ trì liên kết, vốn tham gia của bên liên kết, vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng nội dung, hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến kết quả thực hiện theo năm ngân sách và đến thời điểm kết

thúc dự án, kế hoạch liên kết; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); nội dung và chi phí hỗ trợ cho hộ gia đình, hoặc người dân thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình mục tiêu quốc gia; tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); phương án tài chính xử lý các rủi ro (nêu rõ việc xử lý trong trường hợp do nguyên nhân khách quan, chủ quan); chế tài xử lý và cơ chế thu hồi vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước trong trường hợp đơn vị chủ trì liên kết vi phạm cam kết và các nội dung khác có liên quan (nếu có).

#### **4. Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước**

##### **4.1. Chương trình 1:**

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

e) Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

g) Dự án vùng trồng dược liệu quý thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22 tháng 9 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai nội dung Đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 và điểm a khoản 5 Điều 1 Thông tư số 12/2023/TT-BYT ngày 06/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Y tế sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 10/2022/TT-BYT ngày 22/9/2022 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn triển khai một số nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển vùng trồng dược liệu quý thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

h) Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo mục VII, Chương I Hướng dẫn này.

##### **4.2. Chương trình 2:**

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất, nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ.

c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

e) Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo mục VII, Chương I Hướng dẫn này.

#### 4.3. Chương trình 3:

a) Đào tạo, tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, quản lý chuỗi và phát triển thị trường.

b) Chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi.

c) Vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ; bao bì sản phẩm.

d) Quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ.

đ) Tư vấn xây dựng liên kết; chi phí khảo sát đánh giá tiềm năng phát triển chuỗi giá trị; tư vấn xây dựng phương án, kế hoạch sản xuất kinh doanh, quy trình kỹ thuật, đánh giá thị trường, phương án phát triển thị trường.

e) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết (*bao gồm đầu tư máy móc trang thiết bị; xây dựng các công trình hạ tầng phục vụ liên kết bao gồm: nhà xưởng, bến bãi, kho tàng phục vụ sản xuất, sơ chế, bảo quản, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp*).

g) Xây dựng mô hình khuyến nông.

h) Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo mục VII, Chương I Hướng dẫn này.

i) Chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm.

#### **5. Mức, phương thức hỗ trợ**

a) Hỗ trợ tối đa không quá 80% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 70% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khó khăn; không quá 50% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch liên kết trên địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao.



Mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một dự án do UBND các cấp quyết định theo phạm vi dự án từng cấp nhưng tối đa không quá 5.000 triệu đồng/dự án, kế hoạch liên kết thuộc phạm vi đầu tư của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó, chỉ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hộ thuộc đối tượng được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Riêng đối với Chương trình 1: Mức cho vay hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị theo quy định tại Điều 35 Nghị định số 28/2022/NĐ-CP.

c) Định mức chi cho các nội dung chi tại khoản 4, Mục I, Chương II ở trên theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thực tế thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp nhưng phải đảm bảo mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng dự án, kế hoạch liên kết (theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền) tối đa bằng mức quy định tại điểm a, khoản này. Trong đó, các mức chi đối với từng nội dung của dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thực tế thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp.

Các dự án, kế hoạch liên kết trong sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

d) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, kế hoạch liên kết thông qua đơn vị chủ trì liên kết.

### ***6. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất***

a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án, kế hoạch liên kết (theo **Mẫu số 02** kèm theo Hướng dẫn này).

Cơ quan được giao vốn ký hợp đồng với chủ trì liên kết triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, trong hợp đồng ký kết phải đảm bảo các nội dung sau: Sản phẩm thực hiện liên kết; quy mô của dự án, kế hoạch hoặc phương án sản xuất; chi tiết các nội dung, kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ, trong đó: Đối với hỗ trợ mua sắm vật tư, trang thiết bị cần phải chi tiết số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, tổng giá trị và giá từng loại vật tư, thiết bị,...; cây giống, con giống cần phải chi tiết cụ thể số lượng, loại giống, chất lượng giống, kích cỡ, tổng giá trị và giá từng loại giống,...; hiệu quả, tác động của dự án, kế hoạch hoặc phương án sản xuất; các nội dung cần thiết khác,...

b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có). Ví dụ trường hợp cơ quan được giao vốn được cấp có thẩm quyền giao trực tiếp mua sắm hàng hóa phục vụ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đơn vị sẽ triển khai thực hiện mua sắm hàng hóa theo hướng dẫn điểm 2.1, khoản 2, mục V, Chương I Hướng dẫn này và các quy định hiện hành.

c) Thanh toán, giải ngân vốn cho đơn vị chủ trì liên kết, hoặc các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đơn vị chủ trì liên kết. Trường hợp cơ quan được giao vốn trực tiếp mua sắm hàng hóa phục vụ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thì cơ quan giao được vốn sẽ thanh toán tiền mua sắm hàng hóa cho nhà cung ứng.

d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có); đồng thời quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng dẫn tại mục VI Chương I Hướng dẫn này.

đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, kế hoạch liên kết: Cơ quan được giao vốn chịu trách nhiệm toàn diện trong việc kiểm soát chi phí thực hiện dự án. Kiểm soát chặt chẽ chi phí dự án từ khâu lập dự toán kinh phí của dự án để trình thẩm định, phê duyệt cho đến khi dự án hoàn thành và thanh quyết toán theo đúng quy định. Đảm bảo nguyên tắc tính đúng khối lượng, đủ chi phí và phù hợp với nội dung công việc phải thực hiện; kiểm soát việc chi tiêu, thanh quyết toán đúng nội dung chi, định mức chi theo dự toán kinh phí của dự án đã được phê duyệt; tiết kiệm; chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực; phát huy tối đa hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và dự án đã được phê duyệt.

### ***7. Trách nhiệm của đơn vị chủ trì liên kết và các bên liên kết***

a) Thực hiện các nội dung phát triển sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị, Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.

b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo quyết định phê duyệt dự án.

c) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

### ***8. Cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện dự án, kế hoạch liên kết***

Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố theo tổng mức kinh phí của từng Chương trình mục tiêu quốc gia; UBND các huyện, thành phố trên cơ sở dự kiến nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã, trình HĐND cấp huyện, thành phố phân bổ theo quy định.

### ***9. Nghiệm thu, giải ngân, thanh toán kinh phí đối với dự án, kế hoạch liên kết***

a) Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch của UBND các cấp, tiến độ thực hiện hoàn thành theo từng giai đoạn của nội dung, hoạt động thuộc dự án, kế hoạch liên kết (ví dụ: Tiến độ thực hiện hoàn thành về tư vấn liên kết hoặc mua sắm con giống, cây giống; tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; ...), cơ quan được giao vốn các cấp thành lập Tổ nghiệm thu đối với dự án, kế hoạch liên kết.

Thành phần Tổ nghiệm thu gồm Tổ trưởng là lãnh đạo thuộc cơ quan được giao vốn, các thành viên là cơ quan ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

cơ quan Tài chính, UBND cấp xã (nơi có dự án, kế hoạch liên kết được nghiệm thu) và các cơ quan khác có liên quan (nếu cần thiết). Riêng đối với dự án, kế hoạch liên kết do cấp xã được giao vốn thực hiện thì thành phần nghiệm thu gồm: Tổ trưởng là Lãnh đạo UBND cấp xã, các thành viên là cán bộ nông lâm nghiệp, tài chính và các thành phần khác có liên quan (nếu cần thiết).

b) Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án, kế hoạch liên kết, sau khi hoàn thành từng phần nội dung công việc (tư vấn liên kết; mua sắm con giống, cây giống; tập huấn kỹ thuật, chuyển giao công nghệ; ...) theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định, đơn vị chủ trì liên kết lập Đơn đề nghị theo **Mẫu số 03** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này và hồ sơ đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí gửi cơ quan được giao vốn để tổ chức nghiệm thu theo quy định. Cụ thể:

- Đơn vị chủ trì liên kết gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí về đơn vị nhận hồ sơ;

- Đơn vị nhận hồ sơ chủ trì, mời Tổ nghiệm thu được quy định tại điểm a, khoản này tiến hành thẩm định toàn bộ hồ sơ do đơn vị chủ trì liên kết gửi đến. Một số nội dung của dự án, kế hoạch liên kết (Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết; hỗ trợ con giống, cây giống, vật tư; chuyển giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới, áp dụng quy trình kỹ thuật trong sản xuất và quản lý chất lượng đồng bộ theo chuỗi; xây dựng mô hình khuyến nông;...), Tổ nghiệm thu cần phải tiến hành thẩm định, nghiệm thu tại địa bàn thực hiện dự án liên kết, kế hoạch liên kết. Kết quả nghiệm thu được phản ánh bằng Biên bản nghiệm thu theo **Mẫu số 04** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này, trong đó nêu rõ đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện nghiệm thu. Nếu hồ sơ đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, cơ quan được giao vốn thực hiện giải ngân, thanh toán theo từng phần nội dung công việc đã được nghiệm thu.

- Trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ thì phân thành hai loại:

+ *Thứ nhất*, do hồ sơ chưa đầy đủ: Đơn vị nhận hồ sơ thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn cho đơn vị chủ trì liên kết chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp đơn vị chủ trì liên kết không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì đơn vị nhận hồ sơ thông báo đến đơn vị chủ trì liên kết lý do không hỗ trợ.

+ *Thứ hai*, nội dung thực hiện của đơn vị chủ trì liên kết không phù hợp với các nội dung thực hiện dự án liên kết, kế hoạch liên kết đã được phê duyệt thì đơn vị nhận hồ sơ thông báo đến đơn vị chủ trì liên kết lý do không hỗ trợ.

- Sau khi kết thúc dự án, đơn vị chủ trì liên kết lập Đơn đề nghị theo **Mẫu số 05** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này và hồ sơ theo các nội dung đã được nghiệm thu theo từng phần công việc gửi cơ quan được giao vốn để nghiệm thu tổng thể kết quả thực hiện toàn bộ dự án, kế hoạch liên kết. Tổ nghiệm thu theo điểm a, khoản này.

- Sau khi có kết quả nghiệm thu dự án, kế hoạch liên kết (Biên bản nghiệm thu theo **Mẫu số 06** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này), cơ quan được giao vốn phê duyệt (trường hợp được ủy quyền phê duyệt dự án) hoặc trình UBND cùng cấp phê duyệt kết quả thực hiện toàn bộ dự án, kế hoạch liên kết theo

quy định. Riêng đối với cấp xã, trên cơ sở kết quả nghiệm thu dự án, kế hoạch liên kết của Tổ nghiệm thu, UBND cấp xã phê duyệt kết quả thực hiện toàn bộ dự án, kế hoạch liên kết theo quy định.

## **10. Hồ sơ gửi cơ quan nghiệm thu**

10.1. Hồ sơ theo từng phần công việc:

a) Hỗ trợ chi phí tư vấn xây dựng liên kết: Theo tiết c, khoản 3.1, điểm 3, Tiêu mục VI, Mục 1, Chương II Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn;

b) Hỗ trợ hạ tầng phục vụ liên kết: Theo khoản 3.2, điểm 3, Tiêu mục IV, Mục 1, Chương II Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số 1253/QĐ-UBND ngày 11/7/2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn;

c) Hỗ trợ vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi phục vụ sản xuất

- Trường hợp mua của cơ sở sản xuất, kinh doanh, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị nghiệm thu; dự án/kế hoạch liên kết; Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; Hợp đồng thực hiện dự án giữa cơ quan được giao vốn với đơn vị chủ trì liên kết; Thông báo giá vật tư, hàng hóa của cơ quan thẩm định giá; Hợp đồng cung ứng hàng hóa, phụ lục hợp đồng, thanh lý hợp đồng cung ứng hàng hóa; hóa đơn mua bán;

+ Biên bản bàn giao giống, vật tư, nguyên liệu giữa chủ trì liên kết với các đối tượng tham gia liên kết, trừ trường hợp chủ trì liên kết đồng thời là bên trực tiếp tham gia liên kết.

+ Bảng tổng hợp danh sách các hộ gia đình, cá nhân, HTX, trang trại, ... được bàn giao giống, vật tư, nguyên liệu do chủ trì liên kết lập có xác nhận của UBND xã. Bảng kê phải ghi rõ các nội dung như: tên người nhận, địa chỉ, số lượng, chủng loại giống, vật tư,... được bàn giao và ký nhận đầy đủ.

+ Các hồ sơ, chứng từ khác có liên quan.

- Trường hợp mua của người dân sản xuất ra, hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị nghiệm thu; dự án/kế hoạch liên kết; Quyết định phê duyệt dự án của cấp có thẩm quyền; Hợp đồng thực hiện dự án giữa cơ quan được giao vốn với đơn vị chủ trì liên kết; Thông báo giá vật tư, hàng hóa của cơ quan thẩm định giá; Báo cáo kết luận, đánh giá chất lượng hàng hóa của hộ dân hoặc của đơn vị chủ trì liên kết tự sản xuất (kèm theo Biểu người bán cung cấp thông tin); Giấy biên nhận mua bán;

+ Biên bản bàn giao giống, vật tư, nguyên liệu giữa chủ trì liên kết với các đối tượng tham gia liên kết, trừ trường hợp chủ trì liên kết đồng thời là bên trực tiếp tham gia liên kết.

+ Bảng tổng hợp danh sách các hộ gia đình, cá nhân, HTX, trang trại, ... được bàn giao giống, vật tư, nguyên liệu do chủ trì liên kết lập có xác nhận của

UBND xã. Bảng kê phải ghi rõ các nội dung như: tên người nhận, địa chỉ, số lượng, chủng loại giống, vật tư,... được bàn giao và ký nhận đầy đủ.

+ Các hồ sơ, chứng từ khác có liên quan.

d) Các nội dung hỗ trợ khác: Hồ sơ gồm dự án, kế hoạch liên kết; quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định,...

10.2. Hồ sơ kết thúc dự án, kế hoạch liên kết: Hồ sơ gồm dự án, kế hoạch liên kết; quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các biên bản nghiệm thu theo từng phần công việc; các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định; ...

## **II. Hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (Chương trình 1, 2)**

### **1. Phân cấp quản lý**

a) UBND cấp xã làm chủ đầu tư đối với các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng.

b) Trường hợp không đủ năng lực, UBND cấp xã có văn bản đề nghị UBND cấp huyện giao cơ quan chuyên môn trực thuộc làm chủ đầu tư.

### **2. Điều kiện hỗ trợ**

a) Đảm bảo tỷ lệ tham gia của người dân thuộc đối tượng đầu tư của chương trình mục tiêu quốc gia theo quy định tại tiết d điểm 2.1, tiết b điểm 2.2, khoản 2, mục III, Chương I Hướng dẫn này.

b) Cộng đồng dân cư đề xuất dự án, phương án sản xuất, dịch vụ là nhóm hộ được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận; tổ hợp tác thành lập tự nguyện theo quy định của pháp luật; nhóm hộ do các tổ chức chính trị - xã hội làm đại diện; nhóm hộ do Ban phát triển thôn làm đại diện hoặc nhóm hộ do người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số miền núi.

c) Tổ, nhóm cộng đồng phải có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi được Ủy ban nhân dân cấp xã xác nhận.

d) Hộ tham gia dự án, phương án sản xuất, dịch vụ phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án, phương án.

### **3. Cách thức thành lập nhóm hộ**

Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng thôn tuyên truyền, phổ biến đến người dân trong thôn về dự án hỗ trợ phát triển sản xuất sẽ triển khai thực hiện trên địa bàn (Thông báo bằng văn bản đến các đối tượng hưởng chính sách hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng)

Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng thôn tổ chức họp lấy ý kiến về nội dung dự án và lập danh sách đối tượng tham gia dự án, trong đó xác định người làm đại diện nhóm hộ. Chủ trì cuộc họp: Đại diện Ủy ban nhân dân cấp xã hoặc Trưởng thôn. Thành phần tham gia: Các đối tượng theo quy định của

Chương trình 1, Chương trình 2. Biên bản họp dân theo **Mẫu số 07** tại Danh mục biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định 15/2024/QĐ-UBND.

Sau khi đã xác định được danh sách tham gia nhóm hộ, người làm đại diện nhóm hộ triển khai thực hiện dự án phát triển sản xuất cộng đồng, UBND cấp xã xác nhận nhóm hộ.

#### ***4. Tiêu chí lựa chọn dự án, phương án sản xuất thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng***

Dự án, phương án sản xuất của cộng đồng đề xuất, tổ chức thực hiện gồm một trong các loại cây trồng, vật nuôi, ngành hàng, sản phẩm sau đây:

- Rau, củ, quả, cây đặc sản, cây công nghiệp (*cam, quýt, hồng không hạt, mơ, dong riềng, bí xanh thơm, rau bồ khai, chuối,...*);
- Gạo chất lượng;
- Chè (*chè trung du, chè shan tuyết*);
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm,...
- Trồng rừng, cải tạo rừng trồng (*lát, keo, mỡ, thông, hồi, quế,...*);
- Sản phẩm từ các cây dược liệu.

#### ***5. Xây dựng, thẩm định và phê duyệt dự án***

5.1 Mẫu hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất của cộng đồng, gồm các hồ sơ sau:

a) Đơn đề nghị hỗ trợ dự án, phương án sản xuất của cộng đồng (*Mẫu số 05 kèm theo Quyết định 15/2024/QĐ-UBND*).

b) Dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng (*Mẫu số 06 kèm theo Quyết định 15/2024/QĐ-UBND*).

c) Biên bản họp dân (*Mẫu số 07 kèm theo Quyết định 15/2024/QĐ-UBND*).

5.2. Trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, phương án sản xuất của cộng đồng:

a) Cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thông báo rộng rãi kế hoạch thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trên các phương tiện truyền thông, hoặc trên trang điện tử, niêm yết công khai tại trụ sở làm việc của cơ quan, đơn vị.

b) Xây dựng dự án, phương án sản xuất

Cộng đồng dân cư xây dựng hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất theo mẫu hồ sơ quy định tại điểm 5.1, khoản 5, mục II, Chương II ở trên và nộp 01 bộ hồ sơ đến cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất để trình Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm định.

c) Thẩm định dự án, phương án sản xuất

Ủy ban nhân dân cấp huyện thành lập Tổ thẩm định hồ sơ đề nghị dự án, phương án sản xuất và quyết định đơn vị, bộ phận giúp việc cho Tổ thẩm định.

Thành phần Tổ thẩm định bao gồm: Tổ trưởng là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện; thành viên là lãnh đạo Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có dự án, phương án sản xuất của cộng đồng; đại diện cơ quan tài chính và phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; chuyên gia hoặc những người có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm về thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng bình chọn (nếu cần thiết).

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ theo quy định, Tổ thẩm định tổ chức thẩm định dự án. Nội dung thẩm định phải làm rõ các điều kiện hỗ trợ dự án, phương án sản xuất cộng đồng; sự cần thiết thực hiện dự án, phương án sản xuất; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng, vật nuôi, đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có).

Trường hợp dự án, phương án sản xuất không đủ điều kiện theo quy định, Tổ thẩm định dự án thống nhất kết luận nêu rõ lý do trong biên bản thẩm định và trả lời bằng văn bản.

\* *Lưu ý:* Ủy ban nhân dân cấp huyện có thể sử dụng Hội đồng thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đề thẩm định dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng trong trường hợp thành phần Hội đồng thẩm định đó phù hợp với thành phần Tổ thẩm định nêu trên.

#### d) Phê duyệt dự án, phương án sản xuất

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo thẩm định của Tổ thẩm định, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định phê duyệt dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất do cộng đồng dân cư đề xuất.

Nội dung quyết định dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất, dịch vụ phải bao gồm: Tên dự án, phương án; đại diện cộng đồng và danh sách cộng đồng tham gia dự án; thời gian triển khai; địa bàn thực hiện; đối tượng tham gia dự án; các hoạt động của dự án; dự toán kinh phí chi tiết; nguồn kinh phí thực hiện (ngân sách nhà nước hỗ trợ, vay vốn tín dụng ưu đãi (nếu có), vốn lồng ghép thực hiện các chính sách và vốn đối ứng của các hộ gia đình tham gia (nếu có)); nội dung, hoạt động và trách nhiệm thực hiện của các bên theo từng hoạt động; mức hỗ trợ, tiến độ cấp phát, thanh toán từ ngân sách nhà nước và dự toán chi tiết theo từng nội dung, hoạt động được hỗ trợ; dự kiến hiệu quả, kết quả đầu ra của dự án, phương án; phương án mua sắm và đầu mối thực hiện phương án mua sắm vật tư, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ, giống cây trồng vật nuôi đề xuất hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước (nếu có); tổ chức quản lý tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có); hình thức, mức quay vòng (nếu có); giải pháp tài chính xử lý các rủi ro (nêu rõ việc xử lý trong trường hợp do nguyên nhân khách quan, chủ quan); chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có)".

### **6. Nội dung hỗ trợ từ vốn ngân sách nhà nước (Chương trình 1, 2)**

a) Chi tập huấn kỹ thuật sản xuất; tập huấn nghiệp vụ quản lý, năng lực quản lý hợp đồng, năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm đối với hỗ trợ sản xuất cộng đồng.

b) Chi chuyên giao, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới; quảng bá, xúc tiến thương mại cho sản phẩm hàng hóa, dịch vụ; hỗ trợ chi phí để phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí truy xuất nguồn gốc và dán nhãn sản phẩm: Mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế trong phạm vi mức hỗ trợ của dự án và dự toán được cấp có thẩm quyền giao.

c) Chi hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng:

- Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình tư vấn, hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả:

+ Chế độ công tác phí cho cán bộ.

+ Hỗ trợ cho cán bộ (*ngoài tiền công tác phí theo chế độ quy định*).

- Chi tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao:

+ Chi công tác phí cho cán bộ, thuê xe, tiền ăn, tiền thuê phòng ngủ (*nếu có*).

+ Chi tiền công cho báo cáo viên.

d) Chi hỗ trợ vật tư, nguyên liệu, giống cây trồng, vật nuôi, phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thuốc thú y, công cụ, dụng cụ, trang thiết bị phục vụ sản xuất, cung ứng dịch vụ: Nội dung và mức hỗ trợ theo quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án trong phạm vi mức hỗ trợ một (01) dự án phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế đã được phê duyệt.

đ) Chi xây dựng và quản lý dự án: Thực hiện theo mục VII, Chương I Hướng dẫn này.

e) Chi hỗ trợ dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

Nguồn kinh phí hỗ trợ từ các chương trình, đề án có liên quan. Mức hỗ trợ thực hiện theo các quy định hiện hành về dạy nghề, hướng nghiệp, tiếp cận thị trường, tạo việc làm.

## **7. Mức, phương thức hỗ trợ**

a) Hỗ trợ tối đa không quá 95% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn đặc biệt khó khăn; không quá 80% tổng kinh phí thực hiện một (01) dự án trên địa bàn khó khăn; không quá 60% tổng chi phí thực hiện một (01) dự án trên các địa bàn khác thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia, đảm bảo phù hợp với điều kiện, đặc điểm, quy mô, mục tiêu, nhiệm vụ, tính chất của từng dự án và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Cơ quan phê duyệt dự án, phương án quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, phương án, nhưng tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án, phương án sản xuất thuộc phạm vi đầu tư các chương trình mục tiêu quốc gia; trong đó, chỉ hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho các hộ thuộc đối tượng được phê duyệt tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về các Chương trình mục tiêu quốc gia.

b) Định mức chi cho các nội dung chi tại khoản 6, Mục II, Chương II ở trên theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thực tế thanh



toán theo các chứng từ chi hợp pháp nhưng phải đảm bảo mức hỗ trợ từ ngân sách nhà nước cho từng dự án, phương án sản xuất (theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền) tối đa bằng mức quy định tại điểm a, khoản này. Trong đó, các mức chi đối với từng nội dung của dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia thực hiện theo quy định tại Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC, các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, thực tế thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp.

Các dự án cộng đồng trong lĩnh vực nông nghiệp thực hiện định mức kinh tế - kỹ thuật theo Quyết định số 1783/QĐ-UBND ngày 15/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn.

c) Ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện dự án, phương án sản xuất thông qua người đại diện do cộng đồng lựa chọn.

### **8. Trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao kế hoạch, dự toán thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất**

a) Căn cứ Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng, ký hợp đồng với đại diện tổ nhóm cộng đồng thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (theo mẫu số 02 kèm theo Hướng dẫn này).

Cơ quan được giao vốn ký hợp đồng với cộng đồng dân cư triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, trong hợp đồng ký kết phải đảm bảo các nội dung sau: Sản phẩm cộng đồng thực hiện; quy mô của dự án, kế hoạch hoặc phương án sản xuất; chi tiết các nội dung, kinh phí ngân sách Nhà nước hỗ trợ, trong đó: Đối với hỗ trợ mua sắm vật tư, trang thiết bị cần phải chi tiết số lượng, chủng loại, thông số kỹ thuật, tổng giá trị và giá từng loại vật tư, thiết bị,...; cây giống, con giống cần phải chi tiết cụ thể số lượng, loại giống, chất lượng giống, kích cỡ, tổng giá trị và giá từng loại giống,...; hiệu quả, tác động của dự án, kế hoạch hoặc phương án sản xuất; các nội dung cần thiết khác,...

b) Tổ chức thực hiện các nội dung, hoạt động hỗ trợ theo nhiệm vụ, quyền hạn được giao (nếu có). Ví dụ trường hợp cơ quan được giao vốn trực tiếp mua sắm hàng hóa phục vụ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, cơ quan được giao vốn triển khai thực hiện mua sắm hàng hóa theo hướng dẫn tại khoản 2, mục V, Chương I Hướng dẫn này và các quy định hiện hành.

c) Thanh toán, giải ngân vốn cho đại diện tổ nhóm cộng đồng, các bên liên quan theo tiến độ thực hiện tại Hợp đồng ký kết với đại diện tổ nhóm cộng đồng. Trường hợp cơ quan được giao vốn trực tiếp mua sắm hàng hóa phục vụ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất thì cơ quan giao được vốn sẽ thanh toán tiền mua sắm hàng hóa cho nhà cung ứng.

d) Lập sổ theo dõi, giám sát việc sử dụng tài sản hình thành sau hỗ trợ (nếu có), tổ chức thanh lý, thu hồi tài sản theo quy định (nếu có); đồng thời quản lý, sử dụng tài sản hình thành trong dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo hướng dẫn tại mục VI Chương I Hướng dẫn này.

đ) Giám sát kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất, dịch vụ: Cơ quan được giao vốn chịu trách nhiệm toàn diện trong việc kiểm soát chi phí thực hiện dự án. Kiểm soát chặt chẽ chi phí dự án từ khâu lập dự toán kinh phí của dự án để trình thẩm định, phê duyệt cho đến khi dự án hoàn thành và thanh quyết toán theo đúng quy định. Đảm bảo nguyên tắc tính đúng khối lượng, đủ chi phí và phù hợp với nội dung công việc phải thực hiện; kiểm soát việc chi tiêu, thanh quyết toán đúng nội dung chi, định mức chi theo dự toán kinh phí của dự án đã được phê duyệt; tiết kiệm; chống thất thoát, lãng phí, tham nhũng, tiêu cực; phát huy tối đa hiệu quả sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước và dự án đã được phê duyệt.

e) Cơ quan được giao vốn phải ban hành Quy chế đối với những hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi khi tham gia dự án. Quy chế phải thể hiện rõ trách nhiệm của các hộ này khi tham gia dự án, cụ thể: Các hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi khi tham gia dự án có trách nhiệm hướng dẫn, giúp đỡ, phổ biến cách làm hay, các phương pháp sản xuất (kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi) cho các hộ nghèo để cùng nhau thực hiện dự án,...; trong trường hợp tỷ lệ vốn đối ứng chưa đảm bảo theo quy định thì những hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi hoặc các hộ khác phải đối ứng (chuồng trại, máy móc thiết bị, ngày công lao động,...) ở mức cao hơn (không áp dụng đối với hộ có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi là hộ nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo).

### ***9. Trách nhiệm của đại diện tổ nhóm cộng đồng và các thành viên***

a) Thực hiện dự án, phương án sản xuất theo Quyết định của cấp có thẩm quyền phê duyệt dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng và Hợp đồng ký kết với cơ quan nhà nước.

b) Sử dụng nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo đúng nội dung, mục đích, định mức theo Quyết định phê duyệt dự án.

c) Lập sổ theo dõi tình hình sử dụng tài sản sau hỗ trợ, trích khấu hao tài sản cố định, định kỳ báo cáo cơ quan, đơn vị thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất (nếu có).

### ***10. Cấp kinh phí cho các đơn vị thực hiện dự án, phương án sản xuất***

Sở Tài chính tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh phân bổ cho các huyện, thành phố theo tổng mức kinh phí của từng Chương trình mục tiêu quốc gia; UBND các huyện, thành phố trên cơ sở dự kiến nhu cầu kinh phí triển khai thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất của các đơn vị cấp huyện, UBND cấp xã, trình HĐND cấp huyện, thành phố phân bổ theo quy định.

### ***11. Thực hiện cơ chế quay vòng một phần vốn hỗ trợ bằng tiền hoặc hiện vật để luân chuyển trong cộng đồng theo từng dự án, phương án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng được cấp có thẩm quyền phê duyệt***

a) Cộng đồng tự quản lý, tổ chức thực hiện việc quay vòng, luân chuyển vốn trong cộng đồng. Trường hợp cộng đồng không đủ năng lực quản lý, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cử cán bộ hỗ trợ cộng đồng quản lý, tổ chức quay vòng luân chuyển.

b) Cơ quan, đơn vị được giao dự toán kinh phí thực hiện hỗ trợ phát triển sản xuất quyết toán chi ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng theo số chi đã thực thanh toán và số chi đã hạch toán chi ngân sách nhà nước của dự án theo quy định Luật Ngân sách nhà nước.

c) Tỷ lệ quay vòng, trình tự luân chuyển, quy trình theo dõi, giám sát của cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất và các nội dung khác về quản lý luân chuyển của cộng đồng thực hiện theo Quyết định số 43/2022/QĐ-UBND ngày 18/11/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn

d) Trường hợp dự án kết thúc và đối tượng tham gia dự án không còn nhu cầu sử dụng vốn bằng tiền hoặc hiện vật để quay vòng, luân chuyển, tái đầu tư, mở rộng quy mô sản xuất, cơ quan, đơn vị được giao vốn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất quyết định thu hồi vốn bằng tiền hoặc bán hiện vật thu tiền nộp vào tài khoản tiền gửi của cơ quan, đơn vị mở tại Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch để sử dụng hỗ trợ thực hiện dự án, phương án mới được cấp có thẩm quyền phê duyệt (nếu có) hoặc thực hiện nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định.”.

## ***12. Nghiệm thu, giải ngân, thanh toán kinh phí đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng***

a) Căn cứ quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất, hằng năm UBND cấp xã thành lập Tổ nghiệm thu đối với dự án, phương án sản xuất. Việc nghiệm thu sẽ được thực hiện theo từng giai đoạn hoàn thành của nội dung, hoạt động thuộc dự án, phương án sản xuất (ví dụ: Nghiệm thu về xây dựng và quản lý dự án; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất; hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;...).

Thành phần Tổ nghiệm thu gồm Tổ trưởng là lãnh đạo UBND cấp xã, các thành viên là cán bộ nông lâm nghiệp, tài chính cấp xã và các thành phần khác có liên quan (nếu cần thiết).

b) Trên cơ sở quyết định phê duyệt dự án, phương án sản xuất, sau khi hoàn thành từng phần nội dung công việc (xây dựng và quản lý dự án; hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản và các hoạt động khác liên quan đến sản xuất; hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả;...) theo tiến độ thực hiện được cấp có thẩm quyền quyết định, cộng đồng dân cư lập Đơn đề nghị theo **Mẫu số 07** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này và hồ sơ đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí gửi UBND cấp xã để tổ chức nghiệm thu theo quy định. Cụ thể:

- Cộng đồng dân cư gửi 02 bộ hồ sơ đề nghị nghiệm thu, hỗ trợ kinh phí về UBND cấp xã.

- UBND cấp xã chủ trì, mời Tổ nghiệm thu được quy định tại điểm a, khoản này tiến hành thẩm định toàn bộ hồ sơ do cộng đồng dân cư gửi đến. Một số nội dung của dự án, phương án sản xuất (Hỗ trợ hỗ trợ giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, vật tư, dụng cụ sản xuất; phân bón, thức ăn chăn nuôi, thuốc bảo vệ thực vật, thú y; hỗ trợ làm chuồng trại chăn nuôi, cải tạo ao nuôi thủy sản;...), Tổ nghiệm thu cần phải tiến hành thẩm định, nghiệm thu tại địa bàn thực hiện dự án, phương án sản xuất. Kết quả thẩm định được phản ánh bằng Biên bản nghiệm thu theo **Mẫu số 08** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này, trong đó nêu rõ đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện nghiệm thu. Nếu hồ sơ đủ điều kiện hỗ trợ theo quy định, UBND cấp xã thực hiện giải ngân, thanh toán theo từng phần nội dung công việc đã được nghiệm thu.

- Trường hợp chưa đủ điều kiện hỗ trợ thì phân thành hai loại:

+ *Thứ nhất*, do hồ sơ chưa đầy đủ: UBND cấp xã thông báo (nêu rõ lý do) và hướng dẫn cho cộng đồng dân cư chỉnh sửa, bổ sung hồ sơ theo đúng quy định. Trường hợp cộng đồng dân cư không hoàn thiện được hồ sơ theo quy định thì UBND cấp xã thông báo đến cộng đồng dân cư lý do không hỗ trợ.

+ *Thứ hai*, nội dung thực hiện của cộng đồng dân cư không phù hợp với các nội dung thực hiện dự án, phương án sản xuất thì UBND cấp xã thông báo đến cộng đồng dân cư lý do không hỗ trợ.

- Sau khi thực hiện hoàn thành toàn bộ dự án (kết thúc dự án), cộng đồng dân cư lập Đơn đề nghị theo **Mẫu số 09** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này và hồ sơ theo các nội dung đã được nghiệm thu theo từng phần công việc gửi UBND cấp xã để nghiệm thu tổng thể quá trình thực hiện dự án, phương án sản xuất theo quy định. Tổ nghiệm thu theo điểm a, khoản này.

- Sau khi có kết quả nghiệm thu dự án, phương án sản xuất (Biên bản nghiệm thu theo **Mẫu số 10** tại Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này), UBND cấp xã quyết định phê duyệt tổng thể kết quả thực hiện dự án, phương án sản xuất theo quy định.

Trường hợp dự án, phương án sản xuất do cơ quan cấp huyện làm chủ đầu tư (đơn vị được giao vốn thực hiện) thì việc nghiệm thu do cơ quan được giao vốn cấp huyện thực hiện.

### **13. Hồ sơ gửi cơ quan nghiệm thu**

a) Hồ sơ theo từng phần công việc: Hồ sơ gồm đơn đề nghị, dự án, phương án sản xuất, quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt, các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định, ... đối với nội dung đề nghị nghiệm thu.

b) Hồ sơ kết thúc dự án, phương án sản xuất: Hồ sơ gồm đơn đề nghị, dự án, phương án sản xuất; quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt; các biên bản nghiệm thu theo từng phần công việc; các hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định, ... đối với toàn bộ dự án.

### **III. Hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực nông nghiệp**

Về quy định mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch liên kết theo chuỗi giá trị trong các ngành, nghề, lĩnh vực khác không thuộc lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp: Thực hiện theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn. Các nội dung còn lại thực hiện tương tự như nội dung hướng dẫn của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của lĩnh vực nông nghiệp tại mục I, Chương II, Hướng dẫn này.

### **IV. Nội dung khác**

Ngoài các nội dung hướng dẫn trên, các đơn vị, địa phương thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất theo các văn bản: Quyết định số 1719/QĐ-TTg, Quyết định số 90/QĐ-TTg, Quyết định số 263/QĐ-TTg, Nghị định số 27/2022/NĐ-CP, Nghị định số 38/2023/NĐ-CP, Thông tư số 55/2023/TT-BTC, Thông tư số 75/2024/TT-BTC, Thông tư số 02/2022/TT-UBND, Thông tư số 02/2023/TT-UBND, Thông tư số 04/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT, Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT Thông tư số 03/2024/TT-BLĐTĐBXH và các quy định khác của pháp luật và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

### **V. Tổ chức thực hiện**

#### **1. Nội dung thực hiện chuyển tiếp**

Đối với các dự án đã phê duyệt tiếp tục thực hiện cơ chế hỗ trợ từ ngân sách nhà nước theo hướng dẫn tại Quyết định số 1528/QĐ-UBND ngày 21/8/2023 của UBND tỉnh.

#### **2. Chế độ báo cáo**

##### **a) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị**

Định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết dự án (chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngay sau ngày cuối cùng của 6 tháng, năm và tổng kết dự án), Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính để theo dõi, quản lý; Sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ báo cáo của cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Số liệu báo cáo theo **Mẫu số 14, 15** Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

##### **b) Hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng**

Định kỳ 6 tháng, hằng năm và tổng kết dự án (chậm nhất sau 20 ngày kể từ ngay sau ngày cuối cùng của 6 tháng, năm và tổng kết dự án), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về UBND cấp huyện; sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ báo cáo của cấp xã, UBND cấp huyện báo cáo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh, Sở Tài chính để theo dõi, quản lý; sau 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận

đủ báo cáo của cấp huyện, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

Số liệu báo cáo theo **Mẫu số 14, 15** Phụ lục ban hành kèm theo Hướng dẫn này.

### 3. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương

a) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, đánh giá quá trình tổ chức triển khai thực hiện toàn bộ hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất trên địa bàn tỉnh.

b) Sở Lao động, Thương binh và Xã hội, Ban Dân tộc tỉnh có trách nhiệm phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát quá trình tổ chức triển khai thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia do đơn vị làm chủ trương trình.

c) Sở Tài chính có trách nhiệm thẩm định, tham mưu trình phân bổ dự toán; hướng dẫn thanh, quyết toán kinh phí thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (khi có đề nghị); phối hợp hướng dẫn, kiểm tra, giám sát hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất khi có yêu cầu.

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đảm bảo tiến độ và hiệu quả; theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị cơ quan chủ trì chương trình các nội dung vướng mắc liên quan.

đ) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các nội dung hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất đảm bảo tiến độ và hiệu quả; theo dõi, đánh giá việc thực hiện dự án trên địa bàn; kịp thời kiến nghị Ủy ban nhân dân cấp huyện các nội dung vướng mắc liên quan.

4. Trường hợp các văn bản dẫn chiếu sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo nội dung văn bản được sửa đổi, bổ sung, thay thế đảm bảo đúng quy định.

Trên đây là nội dung hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các đơn vị, địa phương triển khai thực hiện theo đúng quy định; trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về UBND tỉnh ((qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (cơ quan chủ trì chương trình), Sở Tài chính)) để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp./.

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Hướng dẫn ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND  
ngày tháng năm 2024 của UBND tỉnh Bắc Kạn)

<b>I</b>	<b>Các biểu mẫu ban hành kèm theo Nghị định số 98/2018/NĐ-CP ngày 05/7/2018 của Chính phủ</b>
Mẫu số 01	Đơn đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 02	Dự án liên kết
Mẫu số 03	Kế hoạch đề nghị hỗ trợ liên kết
Mẫu số 04	Bản thỏa thuận cử đơn vị làm chủ trì liên kết
Mẫu số 05	Bản cam kết đảm bảo các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường
<b>II</b>	<b>Các biểu mẫu ban hành kèm theo Quyết định số 15/2024/QĐ-UBND ngày 02/10/2024 của UBND tỉnh</b>
Mẫu số 05	Đơn đề nghị hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.
Mẫu số 06	Dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc chương trình mục tiêu quốc gia.
Mẫu số 07	Biên bản họp dân
<b>III</b>	<b>Các biểu mẫu khác kèm theo Hướng dẫn này</b>
Mẫu số 01	Báo cáo một số nội dung liên quan đến dự án hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị
Mẫu số 02	Hợp đồng cơ quan, đơn vị được giao vốn ký hợp đồng với đơn vị chủ trì liên kết, tổ nhóm, cộng đồng
Mẫu số 03	Đơn đề nghị nghiệm thu (từng nội dung, hoạt động của dự án liên kết sản xuất)
Mẫu số 04	Biên bản nghiệm thu (từng nội dung, hoạt động của dự án liên kết sản xuất)
Mẫu số 05	Đơn đề nghị nghiệm thu (toàn bộ dự án liên kết sản xuất)
Mẫu số 06	Biên bản nghiệm thu (toàn bộ dự án liên kết sản xuất)
Mẫu số 07	Đơn đề nghị nghiệm thu (từng nội dung, hoạt động của dự án phát triển sản xuất cộng đồng)
Mẫu số 08	Biên bản nghiệm thu (từng nội dung, hoạt động của dự án phát triển sản xuất cộng đồng)
Mẫu số 09	Đơn đề nghị nghiệm thu (toàn bộ dự án phát triển sản xuất cộng đồng)

Mẫu số 10	Biên bản nghiệm thu (toàn bộ dự án phát triển sản xuất cộng đồng)
Mẫu số 11	Bản kê khai: Cung cấp thông tin về giống cây trồng
Mẫu số 12	Bản kê khai: Cung cấp thông tin về giống vật nuôi
Mẫu số 13	Bản kê khai: Cung cấp thông tin về vật tư, nguyên liệu
Mẫu số 14	Báo cáo chi tiết kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất
Mẫu số 15	Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện dự án hỗ trợ phát triển sản xuất



**TÊN ĐỐI TƯỢNG  
THAM GIA LIÊN KẾT**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ...../

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp**

**Kính gửi:** Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh (thành phố)  
..... (hoặc UBND huyện (quận).....)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết):.....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp.....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ..... Fax:..... Email: .....

Căn cứ chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết gắn sản xuất với tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, (tên chủ đầu tư dự án liên kết hoặc chủ trì liên kết) đề nghị

..... (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết):

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Loại sản phẩm nông nghiệp liên kết: .....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Quy mô liên kết: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

Chi tiết từng nội dung đề nghị hỗ trợ theo khoản 4, mục I, Chương II Hướng dẫn này và đề xuất mức kinh phí tương ứng với từng nội dung đề nghị hỗ trợ, tổng số kinh phí đề nghị hỗ trợ.

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

**III. CAM KẾT:** ..... (tên chủ đầu tư dự án liên kết) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các bên tham gia liên kết theo nội dung đã đăng ký và dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm): ..... /.

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;

- Lưu:

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

(Ký, ghi họ tên, đóng dấu)

**TÊN CHỦ ĐẦU TƯ  
DỰ ÁN LIÊN KẾT**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

Số: ...../.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

**DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**Phần I**

**GIỚI THIỆU VỀ DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**I. TÊN DỰ ÁN LIÊN KẾT:** .....

**II. CÁC ĐỐI TƯỢNG THAM GIA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Chủ dự án liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)

a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....

b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....

- Người đại diện theo pháp luật: .....

- Chức vụ: .....

- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....

c) .....

3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....

**III. ĐỊA ĐIỂM THỰC HIỆN DỰ ÁN LIÊN KẾT:** .....

**IV. CĂN CỨ PHÁP LÝ XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT** (liệt kê danh mục các văn bản có liên quan làm căn cứ xây dựng dự án liên kết)

.....

**Phần II**

**NỘI DUNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

**I. MỤC TIÊU CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT:**.....

**II. TỔNG QUAN VỀ LIÊN KẾT SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP TRƯỚC KHI THỰC HIỆN DỰ ÁN VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn (điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội trên địa bàn có liên quan đến việc thực hiện dự án liên kết):...
2. Tổng quan về liên kết và sản xuất, tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trước khi thực hiện dự án liên kết (Kết quả thực hiện liên kết trong 03 năm gần nhất trong trường hợp đã có thời gian liên kết lâu dài; trường hợp liên kết mới xây dựng, báo cáo khái quát tình hình sản xuất và tiêu thụ nông sản trong 3 năm gần nhất).
3. Sự cần thiết xây dựng dự án liên kết.

### **III. NỘI DUNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
2. Quy mô liên kết: .....
3. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
4. Hình thức liên kết: .....
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....
6. Thị trường sản phẩm của dự án liên kết; đánh giá tiềm năng thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm dự án liên kết.
7. Các giải pháp thực hiện để đưa dự án vào hoạt động (thuê đất, san lấp mặt bằng, đầu tư vào các trang thiết bị...)

### **IV. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Chi tiết các nội dung đề nghị được hỗ trợ

Chi tiết từng nội dung đề nghị hỗ trợ theo khoản 4, mục I, Chương II Hướng dẫn này và đề xuất mức kinh phí tương ứng với từng nội dung đề nghị hỗ trợ, tổng số kinh phí đề nghị hỗ trợ.

2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

3. Thời gian và kinh phí hỗ trợ

a) Thời gian hỗ trợ (chi tiết thời gian cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm, nếu có)

.....

b) Kinh phí hỗ trợ (chi tiết kinh phí hỗ trợ cho từng nội dung chính sách, chi tiết các năm)

Tổng số tiền xin hỗ trợ .....

4. Các hồ sơ gửi kèm (chủ đầu tư dự án liên kết căn cứ các quy định hiện hành của các Chương trình, nguồn vốn hỗ trợ và các quy định hiện hành của Nhà nước, bổ sung dự toán, các tài liệu liên quan để phục vụ quá trình phê duyệt hỗ trợ dự án liên kết):

.....

### **V. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA DỰ ÁN LIÊN KẾT**

1. Hiệu quả của dự án liên kết (kinh tế, môi trường, xã hội): .....
2. Tác động của dự án liên kết (các rủi ro về thị trường, tổ chức thực hiện, các rủi ro khác và giải pháp khắc phục):

## **Phần III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN VÀ KIẾN NGHỊ**

#### **I. KẾ HOẠCH TỔ CHỨC THỰC HIỆN DỰ ÁN**

(Chủ đầu tư xây dựng kế hoạch cụ thể để thực hiện dự án liên kết. Trong đó phải có kế hoạch triển khai và thực hiện các nội dung ưu đãi, hỗ trợ, kế hoạch tài chính, kế hoạch giám sát và đánh giá thực hiện dự án liên kết)

#### **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **III. KIẾN NGHỊ**

Ngoài các nội dung nêu trên, chủ đầu tư dự án liên kết có thể bổ sung các nội dung khác nhằm làm rõ hơn nội dung dự án liên kết và phù hợp với điều kiện thực tế.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**KẾ HOẠCH ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ LIÊN KẾT****I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ TIÊU THỤ SẢN PHẨM NÔNG NGHIỆP**

1. Chủ trì liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ....., ngày cấp .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....
2. Các bên tham gia liên kết (đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia liên kết)
- a) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số..... ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail .....
- b) Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số....., ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... Fax: ..... E-mail .....
- c) .....
3. Số lượng nông dân tham gia liên kết (đối với trường hợp có nông dân tham gia liên kết) .....
4. Tổng quan về liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp và sự cần thiết xây dựng liên kết
5. Địa điểm thực hiện liên kết: .....

**II. NỘI DUNG CỦA LIÊN KẾT**

- Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
- Quy mô liên kết: .....
- Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
- Hình thức liên kết: .....
- Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....
- Thị trường và khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

**III. CÁC NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ**

1. Chi tiết các nội dung, thời gian và kinh phí đề nghị được hỗ trợ, tổng số tiền xin hỗ trợ.
- Chi tiết từng nội dung đề nghị hỗ trợ theo khoản 4, mục I, Chương II Hướng dẫn này và đề xuất mức kinh phí tương ứng với từng nội dung đề nghị hỗ trợ, tổng số kinh phí đề nghị hỗ trợ.
2. Đối ứng của đối tượng tham gia liên kết (chi tiết đối với từng nội dung hỗ trợ, chi tiết đối với từng năm, nếu có).

**IV. DỰ KIẾN HIỆU QUẢ VÀ TÁC ĐỘNG CỦA CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ**

**V. KẾ HOẠCH TIẾN ĐỘ VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**VI. KIẾN NGHỊ**

**CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**BẢN THỎA THUẬN  
VỀ VIỆC CỬ ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT  
(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**

Ngày ..... tháng ..... năm ..... , tại ..... ,  
..... chúng tôi là các bên tham gia liên kết, bao gồm:

1. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....
2. Tên đơn vị tham gia liên kết: .....
- Người đại diện theo pháp luật: .....
- Chức vụ: .....
- Giấy đăng ký kinh doanh số ..... , ngày cấp: .....
- Địa chỉ: .....
- Điện thoại: ..... , Fax: ..... E-mail .....
3. ....

Các bên tham gia liên kết thống nhất cử đơn vị làm chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết) như sau:

**I. ĐƠN VỊ LÀM CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT (HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT):** .....

**II. THÔNG TIN CHUNG VỀ LIÊN KẾT**

1. Địa bàn liên kết: .....
2. Sản phẩm nông nghiệp thực hiện liên kết: .....
3. Quy mô liên kết: .....
4. Quy trình kỹ thuật áp dụng khi liên kết: .....
5. Quyền hạn, trách nhiệm của các bên tham gia liên kết: .....

**III. TỔNG ĐẦU TƯ CỦA LIÊN KẾT:** ..... đồng, trong đó:

1. Số vốn đề nghị hỗ trợ: ..... đồng
2. Đối ứng của các bên tham gia liên kết: ..... đồng
  - ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... đồng
  - ..... (tên đơn vị tham gia liên kết): ..... đồng
3. Các nguồn vốn khác: ..... đồng

**IV. THỰC HIỆN LIÊN KẾT**

1. Trách nhiệm của các bên tham gia liên kết (ghi rõ trách nhiệm của mỗi bên tham gia liên kết)  
.....
2. Các quy định về sửa đổi các nội dung được thỏa thuận .....

Các bên tham gia liên kết ký trong Biên bản thỏa thuận này thống nhất với các nội dung đã thỏa thuận. Biên bản thỏa thuận có hiệu lực kể từ ngày ký và được thực hiện trong suốt thời gian thực hiện Dự án liên kết. Các bên tham gia liên kết có trách nhiệm thực hiện đầy đủ cam kết của mỗi bên trong quá trình

thực hiện, các bên có thể sửa đổi các nội dung được thỏa thuận nhưng không được làm thay đổi nội dung của Dự án liên kết đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Bản thỏa thuận này được lập thành .....bản có giá trị như nhau. Các bên tham gia liên kết giữ .....bản, chủ đầu tư dự án liên kết giữ .....bản./.

**Chữ ký của các bên tham gia dự án liên kết**

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**ĐƠN VỊ THAM GIA LIÊN KẾT**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BẢN CAM KẾT**

**Bảo đảm các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường**

**Kính gửi:** .....  
(tên cơ quan được giao phê duyệt hồ trợ dự án liên kết)

Chủ đầu tư dự án liên kết (hoặc chủ trì liên kết): .....,

Người đại diện theo pháp luật: .....

Chức vụ: .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: ....., Fax: ..... E-mail: .....

Mã số thuế .....

Sản phẩm liên kết: .....

Loại hình liên kết: .....

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường trong các lĩnh vực:

Trồng trọt  Lâm nghiệp  Chăn nuôi

Nuôi trồng thủy sản  Khai thác, sản xuất muối

Thu hái, đánh bắt, khai thác nông lâm thủy sản

(Đánh dấu X vào ô ghi tên lĩnh vực sản xuất và cam kết thực hiện).

Nếu có vi phạm, chúng tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

**CHỦ ĐẦU TƯ DỰ ÁN LIÊN KẾT**  
**(HOẶC CHỦ TRÌ LIÊN KẾT)**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**V/v hỗ trợ dự án/phương án phát triển sản xuất cộng đồng thuộc**  
**Chương trình mục tiêu quốc gia .....**

Kính gửi: UBND xã .....

Tổ, nhóm cộng đồng: .....

Người đại diện (Tổ trưởng/nhóm trưởng): .....

Số CCCD/CMND: ..... Ngày cấp ..... Nơi cấp .....

Địa chỉ: .....

Điện thoại: .....

Căn cứ chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của Chương trình MTQG,  
 ..... (tên Tổ, nhóm cộng đồng) đề nghị UBND xã ..... xem xét tổng hợp  
 trình UBND huyện ..... phê duyệt dự án/phương án phát triển sản xuất cộng  
 đồng, như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG**

1. Tên dự án/phương án:.....

2. Địa bàn thực hiện: .....

3. Số hộ tham gia: .....

4. Tiến độ thực hiện dự kiến: .....

**II. ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ CỦA NHÀ NƯỚC**

1. Nội dung đề nghị hỗ trợ:

.....  
 .....  
 .....

2. Tổng vốn, kinh phí đề nghị hỗ trợ .....

Chi tiết các năm đề nghị hỗ trợ (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

**III. CAM KẾT:** ..... (tên Tổ, nhóm cộng đồng) cam kết:

1. Tính chính xác của những thông tin trên đây.

2. Thực hiện đầy đủ các thủ tục và thực hiện đúng nội dung đã đăng ký theo quy định khi có quyết định hỗ trợ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Đảm bảo đúng số lượng và tỷ lệ kinh phí đối ứng quy định tối thiểu từ các hộ dân theo nội dung đã đăng ký và dự án/phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Thực hiện hoàn trả một phần kinh phí theo quy định của dự án đã được phê duyệt cho chủ đầu tư để thực hiện luân chuyển cho các đối tượng thụ hưởng khác.

5. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**IV. TÀI LIỆU KÈM THEO** (liệt kê danh mục các tài liệu có liên quan gửi kèm):

...../.

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**

**ĐẠI DIỆN TỔ, NHÓM CỘNG ĐỒNG**  
(Ký, ghi họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**TÊN DỰ ÁN/PHƯƠNG ÁN**

**Phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình MTQG.....**

1. Đại diện Tổ, nhóm cộng đồng (gồm: tên người đại diện, số CCCD hoặc CMND, địa chỉ liên hệ, số điện thoại liên lạc).

2. Mục tiêu (mục tiêu chung; mục tiêu cụ thể; dự kiến số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo khi tham gia): .....

3. Đối tượng tham gia: ..... hộ nghèo, ..... hộ cận nghèo, ..... mới thoát nghèo ..... hộ khác (có danh sách kèm theo)

4. Thời gian triển khai: Thời gian bắt đầu ....., thời gian kết thúc .....

5. Địa bàn thực hiện: Tại thôn ....., xã ....., huyện ....., tỉnh .....

6. Chủ đầu tư dự án/phương án: UBND xã.....

7. Các hoạt động của dự án:

- Công tác chuẩn bị: Tổ chức họp dân xét chọn đối tượng đủ điều kiện tham gia dự án/phương án; công tác chuẩn bị đất đai, chuồng trại,...

- Tổ chức tập huấn kỹ thuật.

- Tổ chức cung ứng giống, vật tư.

- Tổ chức thực hiện sản xuất.

- Tổ chức tiêu thụ sản phẩm (liên kết tiêu thụ với doanh nghiệp, HTX.....).

- Kiểm tra, giám sát, tổng kết dự án/phương án.

- .....

8. Dự toán kinh phí thực hiện dự án; nguồn kinh phí thực hiện:

TT	Nội dung (Chi tiết theo nội dung được hỗ trợ của từng dự án/phương án)	Đơn vị tính	Tổng dự toán			Chia ra các nguồn		
			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền (đồng)	Ngân sách nhà nước hỗ trợ (đồng)	Đối ứng của người dân (đồng)	Vay vốn tín dụng ưu đãi (đồng)
1	Tập huấn kỹ thuật							
-	Thuê giảng viên							

-	Tiền ăn học viên							
-	Tài liệu, giải khát							
-	.....							
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ giống, vật tư....</b>							
-	Con giống							
-	Thức ăn,							
-	Vắc xin, thuốc thú y							
	.....							
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>							
-	Thẩm định giá							
-	Chi khác							
	.....							
	<b>Tổng cộng (1+2+3)</b>							

Chi tiết các năm (nếu hỗ trợ trong nhiều năm): .....

9. Hình thức, mức quay vòng vốn:

- Hình thức thu hồi: Bằng tiền mặt, nộp về UBND xã.....
- Mức kinh phí thu hồi: ..... %. Tổng số tiền.....đồng.
- Thời gian thu hồi: ..... tháng sau khi kết thúc dự án.

10. Dự kiến kết quả đầu ra, hiệu quả thực hiện của dự án, phương án

a) Sản phẩm thu được của dự án/phương án: .....

b) Hiệu quả thực hiện:

- Nâng cao thu nhập cho hộ dân tham gia dự án.
- Số hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo .....
- .....

11. Chế tài xử lý trong trường hợp vi phạm cam kết (nếu có): .....

12. Tổ chức thực hiện dự án:

- Trách nhiệm của các đối tượng tham gia dự án.
- Trách nhiệm của UBND cấp xã.
- Trách nhiệm của .....

13. Các nội dung liên quan khác .....

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**

**ĐẠI DIỆN CỘNG ĐỒNG DÂN CƯ**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**UBND XÃ .....**  
**Thôn/bản.....**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày.....tháng.....năm .....

## **BIÊN BẢN HỌP DÂN**

Hôm nay, ngày... tháng... năm 20 ..., tại (ghi rõ địa điểm tổ chức họp) thôn/bản ..... tổ chức họp để: ..... (nêu mục đích cuộc họp).

### **I. Thành phần tham dự**

- Chủ trì cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh người chủ trì).
- Thư ký cuộc họp: (ghi rõ họ, tên, chức danh).
- Thành phần tham gia:
  - + Đại diện UBND xã, các tổ chức, đoàn thể xã.
  - + Số lượng hộ tham gia họp: .....hộ.

### **II. Nội dung cuộc họp**

1. Phổ biến chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia....., mức chi hỗ trợ dự án/phương án sản xuất, dự kiến đề xuất nhu cầu thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất của thôn/làng,...

2. Thảo luận lựa chọn tên dự án/phương án, nội dung, đối tượng tham gia dự án/phương án, phương thức hỗ trợ và cơ chế đóng góp khi tham gia dự án/phương án, cơ chế quay vòng vốn;

3. Bình xét, lựa chọn hộ đủ điều kiện tham gia dự án/phương án (hộ tham gia dự án/phương án phải đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, lao động, tư liệu sản xuất đáp ứng nội dung của dự án/phương án và cam kết đảm bảo phần đối ứng thực hiện dự án/phương án).

4. Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng (áp dụng đối với thôn/làng chưa có Tổ, nhóm cộng đồng) và bầu ra tổ trưởng/trưởng nhóm làm người đại diện, tổ phó/phó nhóm và các thành viên.

*(Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng phải đảm bảo tối thiểu 50% người dân tham gia là đối tượng hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia, trong đó ưu tiên nguồn lực thực hiện dự án, mô hình có trên 70% người dân tham gia là đối tượng thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ dân tộc thiểu số, người có công với cách mạng, phụ nữ thuộc hộ nghèo. Có thành viên có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi).*

### **III. Kết quả cuộc họp**

Sau khi triển khai và thảo luận chúng tôi thống nhất:

Thành lập Tổ, nhóm cộng đồng (tên tổ, nhóm cộng đồng ..... ) thực hiện dự án/phương án hỗ trợ phát triển sản xuất ..... do ông (bà) ..... làm tổ trưởng/trưởng nhóm làm đại diện. Tổ, nhóm cộng đồng ..... gồm ..... thành viên theo danh sách cụ thể sau:

TT	Tên thành viên tham gia dự án	Năm sinh	Dân tộc	Địa chỉ	Thuộc đối tượng (nghèo, cận nghèo, mới thoát nghèo, ...)	Số CCCD/CMND	Chức danh	Đăng ký hỗ trợ	Đối ứng của hộ	Ký xác nhận hoặc điểm chỉ	Ghi chú
1							Tổ trưởng/ trưởng nhóm				
2							Tổ phó/ phó nhóm				
3							Thành viên				Có kinh nghiệm làm kinh tế giỏi

Cuộc họp kết thúc vào hồi ..... giờ... cùng ngày. Được thông qua và các thành phần đều nhất trí nội dung biên bản. Biên bản này được dùng làm căn cứ để xây dựng dự án hỗ trợ phát triển sản xuất...../.

**Thư ký**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện Tổ,  
nhóm cộng đồng**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Đại diện UBND xã**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**Chủ trì**  
(Trưởng thôn/bản)  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

**HỢP ĐỒNG THỰC HIỆN NHIỆM VỤ**  
**Dự án, kế hoạch phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị (dự án, phương án phát triển sản xuất cộng đồng) .....**

Căn cứ .....

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm....., tại: .....  
.....chúng tôi gồm:

**1. Đại diện chủ đầu tư (Bên A): .....**

- Ông:.....

- Chức vụ: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

**2. Đại diện chủ trì liên kết (Bên B): .....**

- Ông:.....

- Chức vụ: .....

- Địa chỉ: .....

- Điện thoại: .....

Hai bên cùng thỏa thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng thực hiện Dự án ..... (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Giao và nhận thực hiện Dự án, phương án**

Bên A đồng ý ký hợp đồng để giao Bên B thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án, phương án ..... theo các nội dung trong Thuyết minh Dự án đã được (tên cơ quan được giao phê duyệt hỗ trợ liên kết) phê duyệt tại Quyết định số .....

Thuyết minh Dự án, phương án là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

Bên B nhận thực hiện dự án trên theo đúng nội dung yêu cầu được quy định trong Hợp đồng này.

Về phương án tài chính xử lý các rủi ro: Trường hợp rủi ro xảy ra do nguyên nhân khách quan, chủ dự án (chủ trì liên kết, cộng đồng dân cư) không phải bồi thường thiệt hại về tài chính; trường hợp rủi ro xảy ra do nguyên nhân chủ quan,



chủ dự án phải chịu trách nhiệm bồi thường về tài chính tương ứng với số kinh phí được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

**Điều 2. Thời gian thực hiện Hợp đồng**

.....

**Điều 3. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ thuộc Dự án**

.....

**Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

**1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

.....

**2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

.....

**Điều 5. Thanh toán**

Bên A có trách nhiệm thanh toán các khoản kinh phí hỗ trợ thực hiện dự án sau khi bên B hoàn thành các nhiệm vụ và được nghiệm thu theo tiến độ thực hiện.

**Điều 6. Điều khoản chung**

.....

Hợp đồng này gồm ..... trang và được lập thành ..... bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ ..... bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
(ký, đóng dấu)

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
(ký, đóng dấu)

**XÁC NHẬN CỦA UBND XÃ**  
(đối với tổ, nhóm hộ)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ NGHIỆM THU**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện nội dung.....(1).....đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Kính gửi: .....(2).....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Tổ chức/cá nhân .....(3).....đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

1. Họ và tên (đối với cá nhân) hoặc họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Ngày tháng năm sinh.....; Giới tính:.....Dân tộc:.....

2. Số CMND/CCCD.....ngày cấp.....nơi cấp.....

3. Chức vụ: .....

4. Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số ....., ngày cấp .....

5. Địa chỉ: .....

6. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

1. Nội dung thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đã thực hiện:.....(4).....

2. Tổng kinh phí đã thực hiện:..... Trong đó:.....(5).....

3. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... Trong đó:.....(6).....

4. Số tài khoản (nếu có).....tại Ngân hàng.....

5. Tài liệu kèm theo gồm:.....(7).....

Đề nghị.....(2).....xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:.....

**ĐƠN VỊ CHỦ TRÌ LIÊN KẾT**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

(1) Nêu rõ tên chính sách đề nghị hỗ trợ

(2) Tên cơ quan chủ trì (cấp tỉnh: Sở NN&PTNT; cấp huyện: UBND huyện/TP)

(3) Tên cụ thể của tổ chức hoặc cá nhân

(4) Nêu chi tiết các nội dung đã thực hiện đề nghị được hỗ trợ

(5) Nêu chi tiết, cụ thể kinh phí đã thực hiện theo nội dung đề nghị nghiệm thu

(6) Nêu chi tiết, cụ thể kinh phí đã thực hiện đề nghị hỗ trợ theo quy định

(7) Liệt kê theo thành phần hồ sơ yêu cầu quy định tại mục hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định .....hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BIÊN BẢN**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện nội dung.....(1)..... đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày ..... tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Hôm nay, vào hồi..... ngày..... tháng ..... năm.....; tại thôn ..... xã (phường, thị trấn)..... huyện..... tỉnh Bắc Kạn

**I. THÀNH PHẦN NGHIỆM THU**

**1. Cơ quan chủ trì:.....(2).....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**2. Đại diện Sở hoặc Phòng.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**3. Đại diện Sở hoặc Phòng.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**4. Đại diện Sở hoặc Phòng.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**5. Đại diện UBND xã (phường, thị trấn):.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**II. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH (3)**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**III. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIỆM THU**

Đã tiến hành nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện nội dung.....(1)... thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị của các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

**1. Nội dung, kết quả nghiệm thu**

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu.....

b) Quy mô, chất lượng nội dung thuộc dự án đã thực hiện (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật,...).....(4).....

c) Các nội dung/ý kiến khác (nếu có).....

**2. Kết luận**

- Kết quả thực hiện có đạt yêu cầu so với các điều kiện quy định của các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy định liên quan không?

- Tổ chức/cá nhân có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ? Nêu rõ lý do....

- Yêu cầu, kiến nghị (nếu có).....
- Tổng mức đầu tư: .....đồng
- Căn cứ tổng mức đầu tư, các quy định về nội dung, mức hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia và kết quả nghiệm thu, các bên nghiệm thu thống nhất, xác định số tiền hỗ trợ theo định mức quy định là: .....đồng

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này. Biên bản lập xong hồi.....cùng ngày, đã được các thành viên thông qua, nhất trí ký tên vào biên bản; biên bản được lập thành.....bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện./.

**Đại diện**  
**Cơ quan chủ trì.....**

**Đại diện**  
**Sở hoặc Phòng.....**

**Đại diện**  
**Sở hoặc Phòng.....**

**Đại diện**  
**Sở hoặc Phòng.....**

**Đại diện**  
**UBND xã (phường, thị trấn)**

**Đơn vị/cá nhân thụ hưởng chính sách**

- (1) Nội dung đề nghị hỗ trợ
- (2) Tên cơ quan chủ trì ((cấp tỉnh: Sở NN&PTNT; cấp huyện: UBND huyện/TP)
- (3) Tên tổ chức/cá nhân được thụ hưởng. trong trường hợp nội dung chính sách có nhiều hộ thực hiện/được hưởng lợi thì ghi tên đại diện và danh sách chi tiết từng hộ kèm theo
- (4) Các thành phần tham gia nghiệm thu căn cứ lĩnh vực quản lý chuyên ngành thực hiện nghiệm thu theo các nội dung đề nghị hỗ trợ (nghiệm thu hồ sơ và nghiệm thu theo thực tế)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện toàn bộ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Kính gửi: .....(1).....

Căn cứ Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

.....  
Tổ chức/cá nhân .....(2)..... đề nghị nghiệm thu toàn bộ dự án .... cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN**

1. Họ và tên (đối với cá nhân) hoặc họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....

Ngày tháng năm sinh.....; Giới tính:.....Dân tộc:.....

2. Số CMND/CCCD.....ngày cấp.....nơi cấp.....

3. Chức vụ: .....

4. Giấy đăng ký kinh doanh (nếu có) số ....., ngày cấp .....

5. Địa chỉ: .....

6. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

1. Nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị đã thực hiện:.....(3).....

2. Tổng kinh phí đã thực hiện:..... Trong đó:.....(4).....

3. Tổng kinh phí còn thiếu đề nghị hỗ trợ (nếu có):..... Trong đó:.....(5).....

4. Số tài khoản (nếu có).....tại Ngân hàng.....

5. Tài liệu kèm theo gồm:.....(6).....

Đề nghị.....(1).....xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

(1) Tên cơ quan chủ trì (cấp tỉnh: Sở NN&PTNT; cấp huyện: UBND huyện/TP)

(2) Tên cụ thể của tổ chức hoặc cá nhân

(3) Nêu chi tiết các nội dung theo từng phân công việc đã được nghiệm thu

(4) Nêu chi tiết, cụ thể kinh phí thực hiện theo từng phân công việc đã được nghiệm thu

(5) Nêu cụ thể phần kinh phí còn thiếu (nếu có).

(6) Liệt kê theo thành phần hồ sơ yêu cầu quy định tại mục hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định .....hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BIÊN BẢN**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện toàn bộ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày ..... tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

.....  
Hôm nay, vào hồi..... ngày..... tháng ..... năm.....; tại thôn ..... xã (phường, thị trấn)..... huyện..... tỉnh Bắc Kạn

**IV. THÀNH PHẦN NGHIỆM THU**

**6. Cơ quan chủ trì:.....(1).....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**7. Đại diện Sở hoặc Phòng.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**8. Đại diện Sở hoặc Phòng.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**9. Đại diện Sở hoặc Phòng.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**10. Đại diện UBND xã (phường, thị trấn):.....**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**V. ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ/CÁ NHÂN THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH (2)**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**VI. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIỆM THU**

Đã tiến hành nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện toàn bộ nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Nội dung, kết quả nghiệm thu

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu.....

b) Quy mô, chất lượng các nội dung thuộc dự án đã thực hiện (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật,...).....(3).....

c) Các nội dung/ý kiến khác (nếu có).....

2. Kết luận

- Kết quả thực hiện có đạt yêu cầu so với các điều kiện quy định của các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy định liên quan không?

- Tổ chức/cá nhân có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ? Nêu rõ lý do....

- Yêu cầu, kiến nghị (nếu có).....
- Tổng mức đầu tư: .....đồng
- Căn cứ tổng mức đầu tư, các quy định về nội dung, mức hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia và kết quả nghiệm thu, các bên nghiệm thu thống nhất, xác định số tiền hỗ trợ theo định mức quy định của toàn bộ dự án là: .....đồng.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này. Biên bản lập xong hồi.....cùng ngày, đã được các thành viên thông qua, nhất trí ký tên vào biên bản; biên bản được lập thành.....bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện./.

**Đại diện**  
**Cơ quan chủ trì.....**

**Đại diện**  
**Sở hoặc Phòng.....**

**Đại diện**  
**Sở hoặc Phòng.....**

**Đại diện**  
**Sở hoặc Phòng.....**

**Đại diện**  
**UBND xã (phường, thị trấn)**

**Đơn vị/cá nhân thụ hưởng chính sách**

*(1) Tên cơ quan chủ trì ((cấp tỉnh: Sở NN&PTNT; cấp huyện: UBND huyện/TP)*

*(2) Tên tổ chức/cá nhân được thụ hưởng, trong trường hợp nội dung chính sách có nhiều họ thực hiện/được hưởng lợi thì ghi tên đại diện và danh sách chi tiết từng hộ kèm theo*

*(3) Các thành phần tham gia nghiệm thu căn cứ lĩnh vực quản lý chuyên ngành thực hiện nghiệm thu toàn bộ dự án (nghiệm thu hồ sơ và nghiệm thu theo thực tế)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện nội dung....(1).....đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Kính gửi: .....(2).....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Nhóm hộ/tổ hợp tác .....(3).....đề nghị nghiệm thu và cấp kinh phí hỗ trợ cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÓM HỘ/TỔ HỢP TÁC**

1. Họ và tên người đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác:

.....  
Ngày tháng năm sinh.....; Giới tính:.....Dân tộc:.....

2. Thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.....:

3. Số CMND/CCCD.....ngày cấp.....nơi cấp.....

4. Địa chỉ: .....

5. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

1. Nội dung thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đã thực hiện:.....(4).....

2. Tổng kinh phí đã thực hiện:..... Trong đó:.....(5).....

3. Tổng kinh phí đề nghị hỗ trợ:..... Trong đó:.....(6).....

4. Số tài khoản (nếu có).....tại Ngân hàng.....

5. Tài liệu kèm theo gồm:.....(7).....

Đề nghị.....(2).....xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:.....

**ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ, TỔ HỢP TÁC**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

(1) Nêu rõ tên chính sách đề nghị hỗ trợ

(2) Tên cơ quan chủ trì thẩm định

(3) Tên cụ thể của nhóm hộ, tổ hợp tác

(4) Nêu chi tiết các nội dung đã thực hiện đề nghị được hỗ trợ

(5) Nêu chi tiết, cụ thể kinh phí đã thực hiện theo nội dung đề nghị nghiệm thu

(6) Nêu chi tiết, cụ thể kinh phí đã thực hiện đề nghị hỗ trợ theo quy định

(7) Liệt kê theo thành phần hồ sơ yêu cầu quy định tại mục hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định .....hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
 ....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BIÊN BẢN**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện nội dung.....(1).....đối với dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ..... tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Hôm nay, vào hồi.....ngày.....tháng .... năm.....; tại thôn ..... xã (phường, thị trấn) .....huyện.....tỉnh Bắc Kạn

**I. THÀNH PHẦN NGHIỆM THU**

**1. Lãnh đạo UBND cấp xã:** .....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

**2. Cán bộ nông lâm:** .....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

**3. Cán bộ tài chính:** .....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

**4. Đại diện thôn, bản, tổ dân phố:**

- Ông (bà).....Chức vụ.....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

**5. Các thành phần khác có liên quan (nếu có):**.....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

**II. ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ/TỔ HỢP TÁC THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH (2)**

- Ông (bà).....Chức vụ.....

- Ông (bà).....Chức vụ.....

**III. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIỆM THU**

Đã tiến hành nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện nội dung.....(1)... thuộc dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng của các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Nội dung, kết quả nghiệm thu

a) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu.....

b) Quy mô, chất lượng nội dung thuộc dự án đã thực hiện (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật,...).....(3).....

c) Các nội dung/ý kiến khác (nếu có).....

2. Kết luận

- Kết quả thực hiện có đạt yêu cầu so với các điều kiện quy định của các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy định liên quan không?

- Nhóm hộ/Tổ hợp tác có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ? Nêu rõ lý do.....

- Yêu cầu, kiến nghị (nếu có).....

- Tổng mức đầu tư: .....đồng

- Căn cứ tổng mức đầu tư, các quy định về nội dung, mức hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia và kết quả nghiệm thu, các bên nghiệm thu thống nhất, xác định số tiền hỗ trợ theo định mức quy định là: .....đồng

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này. Biên bản lập xong hồi.....cùng ngày, đã được các thành viên thông qua, nhất trí ký tên vào biên bản; biên bản được lập thành.....bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện./.

**Đại diện**  
**Lãnh đạo UBND cấp xã.....**

**Đại diện**  
**Cán bộ nông lâm.....**

**Đại diện**  
**Cán bộ tài chính.....**

**Đại diện**  
**Thành phần khác (nếu có).....**

**Đại diện**  
**Thôn, Tổ dân phố**

**Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác thụ hưởng chính sách**

(1) Nội dung đề nghị hỗ trợ.

(2) Tên đại diện Nhóm hộ/Tổ hợp tác được thụ hưởng. trong trường hợp nội dung chính sách có nhiều hộ thực hiện/được hưởng lợi thì ghi tên đại diện và danh sách chi tiết từng hộ kèm theo.

(3) Các thành phần tham gia nghiệm thu căn cứ lĩnh vực quản lý chuyên ngành thực hiện nghiệm thu theo các nội dung đề nghị hỗ trợ (nghiệm thu hồ sơ và nghiệm thu theo thực tế).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện toàn bộ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng  
thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Kính gửi: .....(1).....

Căn cứ Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

.....  
Nhóm hộ/Tổ hợp tác .....(2).....đề nghị nghiệm thu toàn bộ dự án .... cụ thể như sau:

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ NHÓM HỘ/TỔ HỢP TÁC**

1. Họ và tên người đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác:

.....

Ngày tháng năm sinh.....; Giới tính:.....Dân tộc:.....

2. Thuộc tổ chức chính trị - xã hội cấp xã.....:

3. Số CMND/CCCD.....ngày cấp.....nơi cấp.....

4. Địa chỉ: .....

5. Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: .....

**II. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ**

1. Nội dung dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng đã thực hiện:.....(3).....

2. Tổng kinh phí đã thực hiện:.....Trong đó:.....(4).....

3. Tổng kinh phí còn thiếu đề nghị hỗ trợ (nếu có):.....Trong đó:.....(5).....

4. Số tài khoản (nếu có).....tại Ngân hàng.....

5. Tài liệu kèm theo gồm:.....(6).....

Đề nghị.....(1).....xem xét, phê duyệt./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;

- Lưu:.....

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu có)

(1) Tên cơ quan chủ trì (Phòng, ban thuộc UBND huyện/TP)

(2) Tên cụ thể của Nhóm hộ/Tổ hợp tác

(3) Nêu chi tiết các nội dung theo từng phần công việc đã được nghiệm thu

(4) Nêu chi tiết, cụ thể kinh phí thực hiện theo từng phần công việc đã được nghiệm thu

(5) Nêu cụ thể phần kinh phí còn thiếu (nếu có).

(6) Liệt kê theo thành phần hồ sơ yêu cầu quy định tại mục hồ sơ đề nghị hỗ trợ ban hành kèm theo Quyết định .....hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**BIÊN BẢN**

**Nghiệm thu kết quả thực hiện toàn bộ dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng  
thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia**

Căn cứ Quyết định số ..... /QĐ-UBND ngày ..... tháng 9 năm 2022 của UBND tỉnh Bắc Kạn ban hành Hướng dẫn thực hiện hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025;

Hôm nay, vào hồi..... ngày..... tháng ..... năm.....; tại thôn ..... xã (phường, thị trấn)..... huyện..... tỉnh Bắc Kạn

**I. THÀNH PHẦN NGHIỆM THU**

**1. Lãnh đạo UBND cấp xã:** .....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**2. Cán bộ nông lâm:** .....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**3. Cán bộ tài chính:** .....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**4. Đại diện thôn, bản, tổ dân phố:**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**5. Các thành phần khác có liên quan (nếu có):**.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**II. ĐẠI DIỆN NHÓM HỘ/TỔ HỢP TÁC THỤ HƯỞNG CHÍNH SÁCH (1)**

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

- Ông (bà)..... Chức vụ.....

**III. NỘI DUNG VÀ KẾT QUẢ NGHIỆM THU**

Đã tiến hành nghiệm thu cơ sở kết quả thực hiện toàn bộ nội dung của dự án hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia, cụ thể như sau:

1. Nội dung, kết quả nghiệm thu

c) Tài liệu làm căn cứ nghiệm thu.....

b) Quy mô, chất lượng các nội dung thuộc dự án đã thực hiện (đối chiếu định mức hỗ trợ, thiết kế, tiêu chuẩn, chỉ dẫn kỹ thuật,...).....(2).....

c) Các nội dung/y kiến khác (nếu có).....

2. Kết luận

- Kết quả thực hiện có đạt yêu cầu so với các điều kiện quy định của các chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy định liên quan không?

- Tổ chức/cá nhân có đủ điều kiện hoặc không đủ điều kiện hỗ trợ? Nêu rõ lý do....

- Yêu cầu, kiến nghị (nếu có).....
- Tổng mức đầu tư: .....đồng
- Căn cứ tổng mức đầu tư, các quy định về nội dung, mức hỗ trợ của các chương trình mục tiêu quốc gia và kết quả nghiệm thu, các bên nghiệm thu thống nhất, xác định số tiền hỗ trợ theo định mức quy định của toàn bộ dự án là: .....đồng.

Các bên trực tiếp nghiệm thu chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định nghiệm thu này. Biên bản lập xong hồi.....cùng ngày, đã được các thành viên thông qua, nhất trí ký tên vào biên bản; biên bản được lập thành.....bản, mỗi bên giữ 01 bản làm căn cứ thực hiện./.

**Đại diện**  
**Lãnh đạo UBND cấp xã.....**

**Đại diện**  
**Cán bộ nông lâm.....**

**Đại diện**  
**Cán bộ tài chính.....**

**Đại diện**  
**Thành phần khác (nếu có).....**

**Đại diện**  
**Thôn, Tổ dân phố**

**Đại diện nhóm hộ/Tổ hợp tác thụ hưởng chính sách**

- (1) Tên đại diện Nhóm hộ/Tổ hợp tác được thụ hưởng, trong trường hợp nội dung chính sách có nhiều hộ thực hiện/được hưởng lợi thì ghi tên đại diện và danh sách chi tiết từng hộ kèm theo.
- (2) Các thành phần tham gia nghiệm thu căn cứ lĩnh vực quản lý chuyên ngành thực hiện nghiệm thu theo các nội dung đề nghị hỗ trợ (nghiệm thu hồ sơ và nghiệm thu theo thực tế).

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN KÊ KHAI**  
**Cung cấp thông tin về giống cây trồng**

**I. Tên hộ gia đình/cá nhân:** .....

Địa chỉ: .....

**II. Thông tin về giống cây trồng** (Trong năm hoặc vụ liền kề gần nhất):

1. Tên giống cây trồng:.....

Diện tích gieo trồng: .....m<sup>2</sup>; Ngày gieo trồng: .....

2. Địa chỉ sản xuất: .....

3. Thông tin liên quan đến cây giống:

- Sinh trưởng của cây: Cây trồng sinh trưởng tốt/ khá/ trung bình .....; chiều cao cây.....cm; thời gian sinh trưởng (từ ngày gieo trồng đến ngày được thu hoạch).....ngày.

- Khả năng chống chịu với các điều kiện bất thuận (hạn, úng, rét...) tốt, khá hay trung bình: .....

- Khả năng chống chịu sâu bệnh: Các đối tượng sâu bệnh gây hại: .....

....., mức độ gây hại (nặng, trung bình, nhẹ): .....

biện pháp kỹ thuật phòng trừ đã áp dụng (đã phun thuốc bảo vệ thực vật hoặc bắt sâu bằng tay hoặc không xử lý): .....

- Năng suất: .....kg/1.000m<sup>2</sup>; sản lượng thu được: .....kg.

- Chất lượng sản phẩm (hình thái, mẫu mã, màu sắc...): .....

.....

...

**III. Số lượng củ hoặc cây giống có khả năng cung cấp:**

.....

...

Tôi xin đảm bảo các thông tin cung cấp nêu trên là đúng với thực tế sản xuất./.

**Xác nhận của UBND cấp xã**

**Trưởng thôn**

**Người cung cấp thông tin**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ... năm 202....

**BẢN KÊ KHAI**  
**Cung cấp thông tin về giống vật nuôi**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ TỔ CHỨC/CÁ NHÂN CUNG CẤP CON GIỐNG**

1. Họ và tên: .....

2. Địa chỉ: .....

**II. THÔNG TIN VỀ GIỐNG VẬT NUÔI**

- Tên giống:.....

- Địa chỉ sản xuất: .....

- Số lượng con giống cung ứng (*bao nhiêu con*): .....

**III. MỘT SỐ CHỈ TIÊU KINH TẾ, KỸ THUẬT CƠ BẢN CỦA GIỐNG <sup>1</sup>**

**1. Đối với lợn giống**

**1.1. Lợn giống để nuôi thịt**

- Trung bình ngày tuổi chuyển sang nuôi thịt (*ngày*): .....

- Trọng lượng bình quân khi chuyển nuôi thịt (*kg/con*): .....

- Trọng lượng bình quân khi xuất chuồng (*07-12 tháng*):  
.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:  
.....

**1.2. Lợn giống để nuôi sinh sản**

**a) Lợn nái**

- Tuổi đẻ lứa đầu bình quân (*ngày*): .....

- Số con đẻ ra bình quân còn sống/ổ(*con*): .....

- Số con bình quân còn sống đến khi cai sữa (*chuyển sang nuôi thịt*)/nái/năm:  
.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:  
.....

**b) Lợn đực giống (*phối trực tiếp*)**

- Tỷ lệ thụ thai bình quân (%):  
.....

<sup>1</sup>. NỘI DUNG KÊ KHAI CUNG CẤP THÔNG TIN VỀ GIỐNG VẬT NUÔI TẠI BẢN KÊ KHAI NÀY DỰA TRÊN KẾT QUẢ THEO DÕI, ĐÁNH GIÁ, TỔNG HỢP TỪ QUÁ TRÌNH CHĂN NUÔI CON GIỐNG BỐ, MẸ TẠI CÁC HỘ GIA ĐÌNH THAM GIA CUNG ỨNG.

- Bình quân số con sơ sinh còn sống/lúa (con):.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

**2. Đối với trâu, bò, ngựa giống nội (Trâu địa phương, bò H' Mông, bò vàng, ngựa giống nội)**

**2.1. Trâu, bò, ngựa giống để nuôi thịt (Áp dụng cho bê, nghé, ngựa con từ tách mẹ chuyển sang nuôi thịt)**

- Trung bình ngày tuổi chuyển sang nuôi thịt (ngày):.....

- Trọng lượng bình quân khi chuyển nuôi thịt (kg/con):  
.....

- Trọng lượng bình quân khi xuất bán (kg/con):.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

**2.2. Trâu, bò, ngựa giống để nuôi sinh sản**

a) Đối với trâu, bò, ngựa đực, cái hậu bị

- Khối lượng 6 tháng tuổi (kg/con):.....

- Khối lượng 12 tháng tuổi (kg/con):.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

b) Đối với trâu, bò đực, ngựa cái sinh sản

- Tuổi bình quân phối giống lần đầu (tháng):  
.....

- Bình quân khối lượng phối giống lần đầu (kg/con): .....

- Tuổi đẻ lứa đầu bình quân (tháng):.....

- Khoảng cách bình quân giữa 2 lứa đẻ (tháng):.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

**3. Đối với các giống dê, hươu, nai**

**3.1. Dê, hươu, nai giống để nuôi thịt (thương phẩm)**

- Trung bình ngày tuổi chuyển sang nuôi thịt (ngày):.....

- Trọng lượng bình quân khi chuyển nuôi thịt (kg/con): .....

- Trọng lượng bình quân khi xuất bán (kg/con):.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

**3.2. Dê, hươu, nai giống để nuôi sinh sản**

a) Đối với dê, hươu, nai giống đực, cái hậu bị

- Khối lượng 6 tháng tuổi (kg/con):.....

- Khối lượng 12 tháng tuổi (kg/con):.....

- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

b) Đối với dê, hươu, nai giống đực, cái sinh sản

- Tuổi bình quân phối giống lần đầu (tháng): .....

- Bình quân khối lượng phối giống lần đầu (kg):.....



- Tuổi đẻ lứa đầu bình quân (*tháng*):.....
- Khoảng cách bình quân giữa 2 lứa đẻ (*tháng*): .....
- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

#### **4. Đối với các giống gia cầm (Gà, vịt,...)**

##### **4.1. Giống gia cầm để nuôi thịt (thương phẩm)**

- Bình quân thời gian nuôi đến khi xuất bán (*ngày*):.....

- Trọng lượng bình quân đến khi xuất chuồng (*kg/con*): .....
- Mô tả đặc điểm chung cơ bản về ngoại hình, màu sắc, lông, da:.....

##### **4.2. Giống gia cầm để nuôi sinh sản**

Mô tả đặc điểm chung về ngoại hình, màu sắc, lông, da của giống và các chỉ tiêu ở các giai đoạn, cụ thể như sau:

###### a) Gia cầm con (*0-8 tuần tuổi*)

- Bình quân tỷ lệ nuôi sống (%):.....
- Khối lượng bình quân 8 tuần tuổi (*kg/con*): .....

###### b) Gia cầm giống hậu bị (*9 tuần tuổi đến vào đẻ 5%*)

- Thời gian nuôi hậu bị (*tuần*):.....
- Tỷ lệ nuôi sống bình quân (%):.....
- Khối lượng khi kết thúc hậu bị (*kg/con*):.....

###### c) Gia cầm giống sinh sản

- Năng suất trứng bình quân (*quả/mái/tuần đẻ*):.....
- Tỷ lệ bình quân trứng đủ tiêu chuẩn giống (*có phôi*) bao nhiêu % .....
- Tỷ lệ nở/trứng có phôi (%): .....

Tôi xin bảo đảm các thông tin cung cấp về giống là đúng với thực tế sản xuất./.

**Xác nhận của UBND cấp xã**

**Trưởng thôn**

**Người cung cấp thông tin**

**\*Ghi chú:** Các hộ dân tự sản xuất được con giống, cung ứng được giống vật nuôi nào tại các mục 1,2,3,4 tại phần III của bản kê khai này thì lựa chọn loài vật nuôi tương ứng để kê khai cung cấp thông tin để làm cơ sở cho việc thẩm định,...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ..... tháng ... năm 202....

**BẢN KÊ KHAI**  
**Cung cấp thông tin về vật tư, nguyên liệu**

**I. Thông tin chung về tổ chức/cá nhân**

1. Họ và tên (đối với cá nhân) hoặc họ và tên người đại diện theo pháp luật (đối với tổ chức): .....
2. Địa chỉ: .....

**II. Thông tin về vật tư, nguyên liệu**

1. Tên vật tư, nguyên liệu: .....
2. Địa chỉ sản xuất: .....
3. Thông tin liên quan đến vật tư, nguyên liệu:
  - Cách thức sản xuất vật tư, nguyên liệu (nếu có): .....
  - Vật tư, nguyên liệu được sử dụng vào các mục đích (trong đó sử dụng vào việc gì là tốt nhất): .....
  - Thời gian sản xuất (nếu có) (sản xuất từ khi nào?):
  - Bảo quản vật tư, nguyên liệu (đã bảo quản như thế nào?):
  - Chất lượng vật tư, nguyên liệu: .....
4. Số lượng vật tư, nguyên liệu có khả năng cung cấp: .....

Tôi xin đảm bảo các thông tin cung cấp nêu trên là đúng với thực tế./.

**Xác nhận của UBND cấp xã**

**Trưởng thôn**

**Người cung cấp thông tin**



	phân tích các chỉ tiêu an toàn thực phẩm, chi phí thiết lập mã truy xuất nguồn gốc sản phẩm								
6	Tập huấn kỹ thuật theo nhu cầu của các thành viên tổ nhóm, nâng cao năng lực quản lý và vận hành tổ nhóm								
7	Hỗ trợ cán bộ trực tiếp đến tận hộ gia đình hướng dẫn thực hiện dự án cho đến khi có kết quả								
8	Tổ chức đi thực tế học tập các dự án có hiệu quả giữa các địa phương do thủ trưởng đơn vị quyết định trong phạm vi dự toán được giao								
9	Xây dựng, quản lý dự án giảm nghèo								
10	.....								
<b>II</b>	<b>Dự án 2: .....</b>								
	.....								
<b>III</b>	<b>Dự án 3 .....</b>								
	.....								

**NGƯỜI LẬP BIỂU**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**ĐẠI DIỆN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ**  
(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

-----

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

-----

....., ngày ..... tháng ..... năm .....

**1. Tình hình chung:**

- Công tác chỉ đạo, điều hành: .....
- Thuận lợi: .....
- Khó khăn: .....

**2. Kết quả thực hiện:**

- Về thực hiện mục tiêu, nội dung của hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất (kết quả đạt được; tồn tại hạn chế; nguyên nhân; đề xuất kiến nghị): .....
- Về kết quả đầu ra của hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất: .....
- Về hiệu quả kinh tế, xã hội hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất: .....

**3. Tổng hợp:**

TT	Nội dung	Tổng số dự án hỗ trợ PTSX	Số hộ tham gia				Tổng dư toán kinh phí cho các dự án hỗ trợ PTSX (triệu đồng)	Tổng kinh phí đã thực hiện (triệu đồng)	Trong đó			Tổng giá trị vật tư đã thực hiện hỗ trợ (triệu đồng)	Kết quả đầu ra của dự án	Đánh giá kết quả thực hiện so với kế hoạch được phê duyệt
			Tổng số	Hộ nghèo	Hộ cận nghèo	Hộ mới thoát nghèo			Ngân sách hỗ trợ	DN, HTX, người dân đóng góp	Vay vốn tín dụng			
1	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị													
2	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất cộng đồng													
3	Dự án mô hình giảm nghèo hỗ trợ phát triển sản xuất theo nhiệm vụ													
	<b>Tổng cộng</b>													

NGƯỜI LẬP BIỂU

(ký, ghi rõ họ tên)

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)